



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

22

Tháng 11 - 2013

**Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng
kiểm tra tiến độ thực hiện Dự án nhà ở xã hội
tại Khu Đô thị Đặng Xá II, Gia Lâm, Hà Nội**

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2013



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng thị sát công trường xây dựng của Dự án



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng thăm quan căn hộ mẫu của Dự án

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BỐN

22

SỐ 22- 11/2013



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 188/2013/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội 5
- Thông tư số 18/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 07/2013/TT-BXD về hướng dẫn việc xác định các đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ 7
- Thông tư số 19/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện quảng cáo ngoài trời 9
- Chỉ thị số 03/CT-BXD của Bộ Xây dựng về việc tăng cường quản lý chất lượng đảm bảo an toàn hệ thống giàn giáo sử dụng trong thi công xây dựng công trình 11

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định trình tự thủ tục kiểm kê nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An 13
- Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 15

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(**Trưởng ban**)

CN. BẠCH MINH TUẤN (**Phó ban**)

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu 02 Dự thảo tiêu chuẩn: “Kính xây dựng - Đặc tính an toàn của kính phẳng - Phương pháp thử và phân loại” và “Kính xây dựng - Xác định độ bền chịu tải trọng của kính xây dựng” 17
- Nghiệm thu 02 đề tài cấp Bộ của trường Cao đẳng Xây dựng số 1 19
- Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu chế tạo vữa chống thấm lớp mỏng gốc xi măng-polyme dùng để chống thấm các công trình xây dựng 20
- Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu chế tạo chất chống dính khuôn trên cơ sở dầu khoáng hoạt tính nhằm nâng cao hiệu quả tái sử dụng phế liệu trong sản xuất gạch bê tông khí chưng áp (AAC) công nghiệp” 22
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Uông Bí là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Ninh 24
- Hội thảo: “Thực tiễn, kinh nghiệm xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật về tiết kiệm nước của quốc tế và định hướng cho Việt Nam” 26
- Nghiên cứu sử dụng xi măng pooc-lăng đá vôi làm bê tông rải đường ở Mỹ 28

Thông tin

- Lễ Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Viện Khoa học Công nghệ xây dựng và đón nhận Huân chương Độc lập hạng nhất 30
- Hội thảo: “Đề án huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị” 32
- Hội thảo: “Chương trình hỗ trợ tín dụng quốc tế cho phát triển nhà ở xã hội tại Việt Nam” 34
- Hội thảo: “Đánh giá tiến độ giai đoạn 3, chuẩn bị giai đoạn 4 Chương trình Quản lý nước thải tại các tỉnh ly Việt Nam” 35
- Ưu tiên cho “xây dựng xanh” 37
- Tính hấp dẫn của nhà phố ở Moskva (Nga) 39
- Thành phố Tân Thái, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc: Thúc đẩy xử lý tập trung nước thải tại các làng quê và thị trấn 42
- Nước Kazakhstan mới xây dựng theo các tiêu chí chất lượng của thế giới 45



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 188/2013/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội

Ngày 20/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 188/2013/NĐ-CP về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

Theo Nghị định này, phát triển nhà ở xã hội phải tuân thủ quy hoạch xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, theo đúng loại hình và tiêu chuẩn thiết kế nhà ở quy định tại Nghị định này. Nhà ở xã hội đầu tư xây dựng theo dự án phải bảo đảm đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội. Nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật và phù hợp với tiêu chuẩn tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Nhà ở xã hội theo quy định của Nghị định này phải được quản lý chặt chẽ, đơn vị được giao quản lý vận hành nhà ở xã hội phải bán, cho thuê, cho thuê mua đúng đối tượng, đủ điều kiện theo quy định của Nghị định này và không được tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng nhà ở xã hội sang làm mục đích khác khi chưa có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nhà nước bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ đầu tư, chủ sở hữu và người mua, thuê và thuê mua nhà ở xã hội. Các hành vi vi phạm pháp luật về phát triển và quản lý sử dụng nhà ở xã hội phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật. Việc đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chỉ được sử dụng vật liệu xây dựng và trang thiết bị sản xuất trong nước, không sử dụng sản phẩm nhập khẩu (trừ các sản phẩm trong nước chưa sản xuất được). Bộ Quốc phòng và Bộ Công an được phép triển khai các dự án nhà ở

xã hội theo quy định tại Nghị định này để giải quyết nhà ở cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân phù hợp với tình hình và điều kiện đặc thù riêng, nhưng phải bảo đảm nguyên tắc mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần.

Theo Nghị định này, tiêu chuẩn thiết kế nhà ở xã hội được thực hiện theo quy định sau đây: Trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại các đô thị thì tiêu chuẩn thiết kế nhà ở được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, tại khu vực khác thì có thể xây dựng nhà ở liền kề thấp tầng; trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước là nhà chung cư thì tiêu chuẩn thiết kế mỗi căn hộ tối thiểu là 30 m², tối đa không quá 70 m², không khống chế số tầng nhưng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư dự án được điều chỉnh tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất lên 1,5 lần so với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành; trường hợp nhà ở xã hội là nhà ở liền kề thấp tầng thì tiêu chuẩn diện tích đất xây dựng của mỗi căn nhà không vượt quá 70 m², bảo đảm phù hợp với quy hoạch xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp áp dụng thí điểm tiêu chuẩn thiết kế nhà ở xã hội khác với quy định nêu trên thì thực hiện theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ. Việc thiết kế nhà ở xã hội riêng lẻ do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng phải bảo đảm chất lượng xây dựng, phù hợp với quy hoạch và điều kiện tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Cũng theo Nghị định này, dự án phát triển nhà ở xã hội được Nhà nước hỗ trợ, ưu đãi theo quy định sau đây: Được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với diện tích đất trong phạm vi dự án xây dựng nhà ở xã hội đã được phê duyệt (trường hợp chủ đầu tư dự án đã nộp tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác mà diện tích đất đó được sử dụng để xây dựng nhà ở xã hội hoặc trường hợp chủ đầu tư dự án đã nộp tiền sử dụng đất đối với quỹ đất 20% thì được Nhà nước hoàn trả lại hoặc được khấu trừ vào nghĩa vụ tài chính mà chủ đầu tư dự án phải nộp cho Nhà nước theo quy định của pháp luật về đất đai); được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng; được miễn, giảm và hưởng các ưu đãi về thuế suất thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; được hỗ trợ ưu đãi từ các nguồn vay vốn của các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại và định chế tài chính được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc vay vốn ưu đãi từ nguồn ngân sách của địa phương, nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, Quỹ phát triển nhà ở và các nguồn vốn vay ưu đãi khác theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ từ nguồn ngân sách toàn bộ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước); được hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi dự án theo điều kiện của địa phương; được miễn thực hiện thủ tục thẩm định thiết kế cơ sở đối với trường hợp dự án áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình nhà ở xã hội do cơ quan có thẩm quyền ban hành; được áp dụng hình thức tự thực hiện đối với các phần việc tư vấn, thi công xây lắp nếu có đủ năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với doanh nghiệp sản xuất có sử dụng người lao động

trong khu vực công nghiệp nếu tự đầu tư xây dựng hoặc mua nhà ở cho người lao động của đơn vị mình nhưng không thu tiền thuê nhà hoặc thu tiền thuê nhà với giá thuê không vượt quá mức giá cho thuê nhà ở xã hội do UBND cấp tỉnh ban hành và các doanh nghiệp thuê nhà để bố trí cho người lao động ở thì chi phí xây dựng, mua nhà ở hoặc chi phí thuê nhà ở được tính là chi phí hợp lý trong giá thành sản xuất khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngoài ra, còn được sử dụng nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai trong phạm vi dự án phát triển nhà ở xã hội làm tài sản thế chấp khi vay vốn đầu tư cho dự án đó; được phát hành trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu; được hưởng các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư nếu có. Chủ đầu tư dự án được dành 20% tổng diện tích đất ở được giao trong phạm vi dự án phát triển nhà ở xã hội (bao gồm cả dự án sử dụng quỹ đất 20%) để đầu tư xây dựng công trình kinh doanh thương mại nhằm bù đắp chi phí đầu tư, góp phần giảm giá bán, giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội và giảm chi phí dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội sau khi đầu tư.

Đối với trường hợp dự án phát triển nhà ở xã hội đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách chỉ để cho thuê thì ngoài các cơ chế hỗ trợ, ưu đãi nêu trên, còn được hỗ trợ theo quy định sau: Được UBND cấp tỉnh hỗ trợ toàn bộ vốn đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi dự án từ nguồn ngân sách địa phương; đối với quỹ nhà ở xã hội dành để cho thuê thì sau thời gian cho thuê tối thiểu là 5 năm kể từ thời điểm bắt đầu cho thuê, chủ đầu tư dự án được phép bán quỹ nhà ở này cho người đang thuê (nếu có nhu cầu) theo giá bán nhà ở xã hội tại thời điểm bán nhà đó. Hộ gia đình, cá nhân tham gia đầu tư nhà ở xã hội được hỗ trợ, ưu đãi theo quy định sau: Được miễn tiền sử dụng đất khi được phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang xây dựng nhà ở xã hội; được

miễn, giảm và hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác liên quan đến hoạt động bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về thuế; được sử dụng nhà ở hình thành trong tương lai để làm tài sản thế chấp khi vay vốn đầu tư nhà ở xã hội.

Nghị định này quy định nhà ở xã hội phải được bán, cho thuê, thuê mua theo đúng đối tượng và điều kiện quy định tại Nghị định này, mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được giải quyết hỗ trợ nhà ở xã hội một lần theo quy định. Việc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước. Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội bằng nguồn vốn ngoài ngân sách phải dành tối thiểu 20% tổng diện tích sàn nhà ở trong phạm vi dự án dành để cho thuê, sau thời gian tối thiểu 5 năm kể từ thời điểm bắt đầu cho thuê thì chủ đầu tư dự án được phép bán quỹ nhà ở này cho người đang thuê thuộc đối tượng được quy định tại Nghị định này theo giá bán quy định tại Nghị định này. Người thuê nhà ở xã hội không được cho thuê lại hoặc chuyển nhượng dưới mọi hình thức trong thời gian thuê nhà theo hợp đồng đã ký với bên cho thuê. Người mua, thuê mua nhà ở xã hội không được phép cho thuê lại, thế chấp

(trừ trường hợp thế chấp với ngân hàng để vay tiền mua, thuê mua chính căn hộ đó) và không được chuyển nhượng nhà ở dưới mọi hình thức trong thời gian tối thiểu là 5 năm, kể từ thời điểm trả hết tiền mua, thuê mua nhà ở theo hợp đồng đã ký với bên bán, bên cho thuê mua. Người mua, thuê mua nhà ở xã hội chỉ được phép bán lại, thế chấp hoặc cho thuê sau khi trả hết tiền theo hợp đồng đã ký kết và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, nhưng phải bảo đảm thời gian tối thiểu là 5 năm, kể từ thời điểm trả hết tiền mua, thuê mua theo hợp đồng đã ký với bên bán, bên cho thuê mua. Kể từ thời điểm người mua, thuê mua nhà ở xã hội được phép bán nhà ở xã hội cho người khác thì ngoài các khoản phải nộp khi thực hiện bán nhà ở theo quy định của pháp luật, bên bán căn hộ nhà chung cư phải nộp cho Nhà nước 50% giá trị tiền sử dụng đất được phân bổ cho căn hộ đó (đối với nhà ở thấp tầng liền kề phải nộp 100% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở) tính theo giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành tại thời điểm bán lại nhà ở.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2014.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

**Thông tư số 18/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng
sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số
07/2013/TT-BXD về hướng dẫn việc xác định
các đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở
theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013
của Chính phủ**

Ngày 31/10/2013, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 18/2013/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 07/2013/TT-BXD về hướng dẫn xác định các đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-

CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ.

Thông tư này đã sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 2 Điều 1 như sau: Doanh nghiệp là chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội, chủ đầu tư các dự án nhà ở sinh viên, nhà ở công nhân khu

công nghiệp, nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 20/4/2009 và các Quyết định số 65, 66, 67/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên, công nhân lao động tại các khu công nghiệp và người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (sau đây gọi tắt là chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội); doanh nghiệp là chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại chuyển đổi công năng sang dự án nhà ở xã hội.

Các điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều 3 đã được sửa đổi, bổ sung như sau: Đối tượng và hộ gia đình của đối tượng được quy định tại Điều 2 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, hoặc có nhà ở nhưng diện tích quá chật chội (cụ thể là có nhà ở là căn hộ chung cư, nhưng diện tích nhà ở bình quân của hộ gia đình thấp hơn 8 m² sử dụng/người; có nhà ở riêng lẻ nhưng diện tích nhà ở bình quân của hộ gia đình thấp hơn 8 m² sử dụng/người và diện tích khuôn viên đất của nhà ở đó nhỏ hơn diện tích đất được cấp phép xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh; chưa có nhà ở nhưng có đất ở và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất ở đó nhỏ hơn diện tích đất được cấp phép xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh); đối tượng được vay vốn phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án nhà ở (trường hợp tạm trú thì phải có đóng bảo hiểm xã hội từ 1 năm trở lên (có thể không liên tục) và có giấy xác nhận của cơ quan bảo hiểm; trường hợp đối tượng làm việc tại chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại địa phương nơi có dự án mà việc đóng bảo hiểm thực hiện tại địa phương nơi công ty có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện thì cũng được áp dụng quy định tại điểm này nhưng phải có giấy xác nhận của công ty về việc đóng bảo hiểm); đã có hợp đồng thuê, mua nhà ở thương mại theo quy định.

Về xác nhận điều kiện được vay, người đứng tên vay vốn hỗ trợ nhà ở thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 phải có xác nhận của đơn vị đang công tác về nơi công tác và thực trạng về nhà ở (theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 07/2013/TT-BXD ngày 15/5/2013 của Bộ Xây dựng) và chỉ xác nhận một lần, đơn vị xác nhận phải chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận của mình, không yêu cầu xác nhận về điều kiện thu nhập. Người đứng tên vay vốn hỗ trợ nhà ở thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2 phải có xác nhận của UBND phường (xã) nơi hộ gia đình đang sinh sống và đăng ký thường trú hoặc tạm trú về thực trạng nhà ở (theo mẫu tại Phụ lục số 1 của Thông tư này) và phải chịu trách nhiệm việc khai báo của mình. Mỗi hộ gia đình chỉ được vay một lần hỗ trợ nhà ở theo quy định của Thông tư này. Trường hợp con, cháu của chủ hộ đã lập gia đình (có Giấy chứng nhận kết hôn) và trường hợp ở nhờ nhưng có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú cùng với chủ hộ thì được coi là hộ gia đình độc lập và thuộc đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Thông tư này. Đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư số 07/2013/TT-BXD ngày 15/5/2013 của Bộ Xây dựng không yêu cầu phải xác nhận về thu nhập, trừ trường hợp ngân hàng yêu cầu khách hàng chứng minh về thu nhập để đảm bảo cho phương án trả nợ thì thực hiện theo quy định của ngân hàng.

Thông tư này đã bổ sung điểm c Khoản 2 Điều 5 như sau: Diện tích sàn căn hộ nhà ở thương mại ghi trong hợp đồng mua, bán nhà ở hình thành trong tương lai giữa chủ đầu tư và khách hàng là diện tích căn hộ tạm tính theo thiết kế nhưng với quy mô nhỏ hơn 70 m², khi hoàn công có thể thay đổi theo thực tế nhưng không vượt quá 5%.

Phụ lục số 2 của Thông tư số 07/2013/TT-BXD ngày 15/5/2013 của Bộ Xây dựng được bãi bỏ và được thay thế bằng Phụ lục số 1 của Thông tư này. Đối với các trường hợp đã được

UBND phường (xã) cấp giấy xác nhận về hộ khẩu và thực trạng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân khi vay vốn để thuê, mua nhà ở thương mại có diện tích nhỏ hơn 70 m², giá bán dưới 15 triệu đồng/m² trước ngày Thông tư này có hiệu

lực thi hành thì vẫn có giá trị thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2013.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

Thông tư số 19/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện quảng cáo ngoài trời

Ngày 31/10/2013, Bộ Xây dựng đã có Thông tư số 19/2013/TT-BXD ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện quảng cáo ngoài trời, mã số QCVN 17: 2013/BXD, áp dụng đối với các phương tiện quảng cáo ngoài trời thể hiện trên các công trình quảng cáo, băng-rôn, đặt cố định hoặc di động; không áp dụng với sản phẩm quảng cáo.

Quy chuẩn này quy định những yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ khi thiết kế, xây dựng, lắp đặt các phương tiện quảng cáo ngoài trời.

Theo Quy chuẩn này, quy hoạch phương tiện quảng cáo ngoài trời phải xác định được địa điểm, kiểu dáng, kích thước, chất liệu, số lượng các phương tiện quảng cáo ngoài trời đặt trên các tuyến giao thông đô thị và ngoài đô thị; bên ngoài hành lang an toàn đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa. Vị trí, địa điểm, khu vực lắp đặt và công tác quản lý các phương tiện quảng cáo ngoài trời phải tuân theo quy định trong các Luật liên quan, và các yêu cầu sau: Đảm bảo mỹ quan đô thị; đảm bảo an toàn về phòng cháy chữa cháy, kết cấu xây dựng, trật tự an toàn xã hội, phù hợp với yêu cầu cụ thể của từng địa phương; đảm bảo các hoạt động sản xuất, sinh hoạt bình thường của người dân và an toàn sinh mạng; đảm bảo tầm nhìn giao thông, không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và không che khuất tầm nhìn biển báo giao thông; không lắp đặt bảng quảng cáo trên các cột đèn chiếu sáng đô thị; không lắp đặt bảng quảng cáo trong phạm vi hành lang an

toàn đường bộ tại các vị trí giao lộ, vòng xoay; không lắp đặt công trình quảng cáo trong hành lang an toàn đối với cầu, hầm đường bộ; không lắp đặt công trình quảng cáo trong phạm vi hành lang an toàn đường cao tốc; không lắp đặt công trình quảng cáo trên đất của đường bộ khu vực ngoài đô thị.

Những trường hợp phải xin giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương bao gồm: Xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20 m² kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; xây dựng bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40 m² trở lên; xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20 m² trở lên. Việc xin cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo phải tuân theo quy định về cấp phép và quản lý xây dựng theo giấy phép của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng tại địa phương.

Về yêu cầu kỹ thuật đối với bảng quảng cáo, ở khu vực ngoài đô thị, trên các tuyến đường ngoài đô thị được phép lắp đặt bảng quảng cáo tấm lớn có kiểu dáng phù hợp (một mặt hoặc nhiều mặt) và tuân theo các quy định: Diện tích một mặt bảng quảng cáo lần lượt từ 120 đến 200 m², từ 90 đến 120 m², từ 40 đến 100 m²; khoảng cách tối thiểu từ mép đường (vai đường) đến cạnh gần đường nhất của bảng lần lượt là 25, 20, 15 m; chiều cao tối thiểu từ mặt đường tới mép dưới của bảng lần lượt là 15, 13, 8 m;

khoảng cách tối thiểu giữa hai bảng liền kề trên đoạn đường thẳng lần lượt là từ 200 đến 250m, từ 150 đến 200 m, từ 100 đến 150 m; khoảng cách tối thiểu giữa hai bảng liền kề trên đoạn đường cong lần lượt là từ 150 đến 200 m, từ 75 đến 100 m, từ 75 đến 100 m đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ.

Hai bên các tuyến đường đô thị, cầu vượt/đường hầm dành cho người đi bộ, trong các công viên, trên dải phân cách của đường đô thị được phép lắp đặt bảng quảng cáo tấm nhỏ và phải tuân theo các quy định sau: Hai bên các tuyến đường đô thị được lắp bảng quảng cáo đứng độc lập, tính từ mép đường đến cạnh gần đường nhất của bảng tối thiểu là 5 m, chiều cao tối thiểu 5 m, chiều cao tối đa 10 m tính từ mặt đường đến mép dưới của bảng quảng cáo, hai bảng quảng cáo liền kề trên cùng tuyến đường phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu là 100 m theo chiều dọc tuyến đường; tại cầu vượt/đường hầm dành cho người đi bộ, được treo, gắn bảng quảng cáo trên tường, lan can cầu vượt/đường hầm dành cho người đi bộ tại mặt phía trong cầu vượt/đường hầm dành cho người đi bộ; trong các công viên, được phép đặt các bảng quảng cáo đứng độc lập với chiều cao tối thiểu là 5 m, chiều cao tối đa 10 m tính từ mặt đường đến mép dưới của bảng quảng cáo.

Bảng quảng cáo treo, gắn, ốp vào mặt tường bên công trình/nhà ở phải đảm bảo các yêu cầu sau: Chiều cao tối đa 5 m, chiều dài không vượt quá giới hạn mặt tường tại vị trí đặt bảng, số lượng không quá 2 bảng. Đối với công trình/nhà ở 4 tầng trở xuống, chiều cao của bảng quảng cáo ốp vào mặt tường bên không được nhô lên quá sàn mái 1,5 m. Đối với công trình/nhà ở 5 tầng trở lên toàn bộ diện tích mặt bảng quảng cáo phải gắn, ốp vào mặt tường bên.

Bảng quảng cáo đặt tại mặt tiền công trình/nhà ở phải đảm bảo các yêu cầu sau: Bảng quảng cáo ngang, mỗi tầng chỉ được đặt một bảng, chiều cao tối đa 2 m, chiều ngang

không được vượt quá giới hạn chiều ngang mặt tiền công trình/nhà ở, mặt ngoài bảng quảng cáo nhô ra khỏi mặt tường công trình/nhà ở tối đa 0,2 m; vị trí ốp sát vào ban công, mép dưới bảng trùng với mép dưới của sàn ban công hoặc mái hiên. Đối với bảng quảng cáo dọc, chiều ngang tối đa 1 m, chiều cao tối đa 4 m nhưng không vượt quá chiều cao của tầng công trình/nhà ở nơi đặt bảng quảng cáo, mặt ngoài bảng quảng cáo nhô ra khỏi mặt tường công trình/nhà ở tối đa 0,2 m; vị trí đặt ốp sát vào mép tường đứng.

Cũng theo Quy chuẩn này, bảng quảng cáo đặt tại mặt ngoài các tòa nhà cao tầng phải đảm bảo an toàn chịu lực, phòng chống cháy nổ, an toàn sinh mạng, thông gió, chiếu sáng. Đối với các tòa nhà cao tầng là khách sạn, trung tâm thương mại, trung tâm tài chính - ngân hàng, trung tâm hoạt động văn hóa đa năng, cao ốc trụ sở - văn phòng cho thuê, được phép lắp đặt thêm bảng quảng cáo hoặc biển hiệu tại tầng trên cùng. Trong khuôn viên công trình đang xây dựng được lắp đặt hoặc thể hiện quảng cáo tạm thời vào mặt tường rào bao xung quanh công trình, nhưng không được gây ảnh hưởng đến công tác thi công, các hoạt động bình thường của các công trình lân cận và các hoạt động xung quanh khác. Trong khuôn viên đô thị, trung tâm thương mại, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe, bãi đỗ xe, các công trình quảng cáo có diện tích tối đa là 40 m². Trong các khu vực hạn chế xây dựng, các công trình quảng cáo bằng hộp đèn, đèn uốn chữ, bảng trivision (bảng lật 3 mặt), màn hình điện tử, có diện tích tối đa là 20 m². Tại tầng trên cùng của công trình được phép quảng cáo bằng hình thức quảng cáo dạng chữ. Không được quảng cáo bằng các hình thức khác đặt trên hoặc che lấp nóc nhà mái nhà.

Màn hình điện tử dùng làm công trình quảng cáo đặt trong phạm vi lộ giới đường giao thông không được dùng âm thanh và phải tuân theo các quy định sau: Vị trí từ mép đường (vai

đường) đến cạnh gần đường nhất của màn hình, tối thiểu là 5 m, diện tích tối đa một mặt màn hình 100 m², chiều cao tối thiểu 10 m tính từ mặt đường đến cạnh dưới của màn hình điện tử, khoảng cách tùy theo tình hình thực tế của địa phương và vị trí quy hoạch để quy định cụ thể cho phù hợp. Chỉ được phép lắp đặt biển hiệu, bảng quảng cáo trên vỉa hè, lề đường trong phạm vi cho phép sử dụng tạm thời (ngoài mục đích giao thông). Bề rộng lớn nhất của biển hiệu, bảng quảng cáo (đối với vỉa hè có bề rộng trên 3 m) là 1,5 m tính từ mép tiếp giáp nhà bên trong vỉa hè (hay từ mốc chỉ giới đường đỏ) trở ra hoặc từ mép bó vỉa trở vào. Việc lắp đặt biển hiệu, bảng quảng cáo trên vỉa hè, lề đường phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép, không được che chắn không gian thoát hiểm, cứu hỏa, không được gây ảnh hưởng đến giao thông công cộng.

Quy chuẩn này quy định kết cấu của các phương tiện quảng cáo ngoài trời phải đảm bảo an toàn, bền vững, đáp ứng được các yêu cầu sử dụng đã quy định, ổn định trong suốt thời gian thi công và khai thác sử dụng. Kết cấu phải được tính toán, thiết kế phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật và theo mọi yếu tố bất lợi nhất tác động lên chúng. Móng, cột, kết cấu khung đỡ, mặt bảng quảng cáo, vật liệu sử dụng phải đảm bảo không bị biến dạng, rung động và suy giảm các tính chất khác quá giới hạn cho phép.

Vật liệu được sử dụng để chế tạo công trình quảng cáo phải được làm bằng chất liệu bền, không bị biến dạng, đảm bảo thẩm mỹ, đạt được các yêu cầu về tuổi thọ và các yêu cầu kỹ thuật cụ thể của từng loại vật liệu. Tất cả các bề mặt và cạnh nhìn thấy của công trình quảng cáo phải là vật liệu ít bị ăn mòn và không bị ảnh hưởng bởi sự ăn mòn của bất cứ bộ phận nào xung quanh. Chiếu sáng quảng cáo phải đảm bảo an toàn, tính thẩm mỹ đô thị, không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động giao thông và các hoạt động khác của đô thị. Chiếu sáng công trình quảng cáo phải được chiếu từ hướng quan sát chính, phù hợp với khu vực được chiếu sáng và tuân theo quy định trong QCVN 07: 2010/BXD. Các phương tiện chiếu sáng có thể là một phần của công trình quảng cáo hoặc tách rời với công trình quảng cáo. Các thiết bị chiếu sáng công trình quảng cáo phải sử dụng loại thiết bị có hiệu suất năng lượng chiếu sáng cao, an toàn trong quản lý, vận hành và sử dụng. Khi sử dụng ánh sáng đèn hắt mạnh lên các công trình quảng cáo phải có giải pháp giảm thiểu ô nhiễm ánh sáng do tác động môi trường (như đảm bảo khoảng cách giữa nguồn chiếu sáng và bảng quảng cáo).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2014.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

Chỉ thị số 03/CT-BXD của Bộ Xây dựng về việc tăng cường quản lý chất lượng đảm bảo an toàn hệ thống giàn giáo sử dụng trong thi công xây dựng công trình

Ngày 11/11/2013, Bộ Xây dựng đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-BXD về việc tăng cường quản lý chất lượng đảm bảo an toàn hệ thống giàn giáo sử dụng trong thi công xây dựng công trình.

Theo Chỉ thị này, trong thời gian gần đây, tình trạng mất an toàn của hệ thống giàn giáo

sử dụng trong thi công có chiều hướng gia tăng đã dẫn đến các sự cố nghiêm trọng tại một số công trình xây dựng dân dụng và nhà ở riêng lẻ tại một số địa phương. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác thiết kế, lắp đặt và khai thác sử dụng giàn giáo không đảm bảo an toàn. Cụ thể

như giàn giáo không được tính toán, thiết kế theo quy định, vật liệu chế tạo giàn giáo không đúng quy cách, việc lắp đặt giàn giáo chủ yếu theo kinh nghiệm, không kiểm tra chặt chẽ, việc chất tải trên giàn giáo không đúng theo quy trình hoặc vượt tải trọng cho phép trong quá trình thi công...

Để chấn chỉnh tình hình trên, ngăn ngừa khả năng xảy ra sự cố công trình trong quá trình thi công và hạn chế tai nạn lao động nhằm đảm bảo chất lượng các công trình xây dựng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng yêu cầu các chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình và các nhà thầu thi công xây dựng thực hiện tốt các việc sau:

Đối với các nhà thầu thi công xây dựng, phải thiết kế, tính toán kết cấu giàn giáo theo đúng quy định tại Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các tiêu chuẩn TCXDVN 296: 2004 - Giàn giáo - Các yêu cầu về an toàn, TCVN 4055: 2012 - Tổ chức thi công và các tiêu chuẩn khác có liên quan đến giàn giáo; phê duyệt thiết kế và biện pháp lắp đặt; lắp đặt và khai thác, sử dụng giàn giáo tuân thủ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu khác của chủ đầu tư theo nội dung của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan, trong đó lưu ý: Chỉ sử dụng những giàn giáo được chế tạo đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định; các cột hoặc khung chân giáo phải được đặt trên nền đã được tính toán đảm bảo chịu lực và ổn định cho giàn giáo; trong quá trình thi công đổ bê tông phải đảm bảo các điều kiện an toàn, ổn định cho giàn giáo, cụ thể như không tập kết khối lượng lớn bê tông tại cùng một vị trí trên giàn giáo, không để các thiết bị gây tải trọng động ảnh hưởng đến sự làm việc ổn định của giàn giáo; phải có biện pháp nghiêm ngặt đảm bảo an toàn về điện khi lắp dựng, sử dụng giàn giáo ở gần đường dây tải điện; thường xuyên kiểm tra an toàn của giàn giáo (đặc biệt là tại những thời điểm thời tiết xấu và có những hoạt động thi công ảnh hưởng đến an toàn, ổn định của giàn giáo) và ghi lại kết

quả kiểm tra trong nhật ký thi công; huấn luyện cho các cán bộ kỹ thuật và công nhân trực tiếp tham gia lắp dựng, tháo dỡ giàn giáo.

Đối với chủ đầu tư xây dựng công trình, phải tổ chức kiểm tra công tác lắp đặt giàn giáo của nhà thầu theo thiết kế đã được phê duyệt, định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc lắp dựng giàn giáo trong quá trình thi công xây dựng. Nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình (trong trường hợp được chủ đầu tư thuê) có trách nhiệm giúp chủ đầu tư trong quá trình kiểm tra nêu trên. Chủ đầu tư xây dựng công trình phải kiên quyết tạm dừng thi công và yêu cầu nhà thầu khắc phục khi phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định làm mất an toàn của giàn giáo, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định tại Điều 24, Điều 29, Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Điều 5 và Điều 8 Thông tư số 22/2010/TT-BXD ngày 03/12/2010 của Bộ trưởng Bộ xây dựng Quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình và tại các quy định hiện hành.

Chỉ thị này yêu cầu Sở Xây dựng và các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành của các địa phương tăng cường công tác kiểm tra và yêu cầu tạm dừng thi công, xử lý nghiêm các chủ đầu tư và các nhà thầu xây dựng vi phạm các quy định làm mất an toàn của giàn giáo, báo cáo về Bộ Xây dựng thông tin nhà thầu vi phạm nghiêm trọng, để xảy ra sự cố do không tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn của giàn giáo trên địa bàn; giao Viện Khoa học công nghệ xây dựng (IBST) hướng dẫn công tác thiết kế, lắp đặt, khai thác sử dụng và tháo dỡ giàn giáo bằng tre, gỗ; Cục Giám định nhà nước về Chất lượng công trình xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra thực hiện Chỉ thị này.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định trình tự thủ tục kiểm kê nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An**

Ngày 19/9/2013, UBND tỉnh Long An đã ban hành Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND quy định Trình tự thủ tục kiểm kê nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An.

Về nguyên tắc, quá trình kiểm kê phải thực hiện công khai, dân chủ, bảo đảm đầy đủ, chính xác, khách quan và tuân thủ các quy định của pháp luật. Việc kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại phải được thực hiện liên tục cho đến khi kết thúc đối với toàn bộ dự án (không thực hiện gián đoạn làm nhiều đợt). Trường hợp kiểm kê theo diện vắng chủ hoặc kiểm kê bắt buộc thì việc kiểm kê phải được thực hiện trong giờ hành chính, quá trình kiểm kê phải ghi lại hình ảnh đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, tài sản khác trên từng thửa đất để làm tư liệu lưu vào hồ sơ.

Quyết định này quy định: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi (sau đây gọi tắt là UBND xã) phát tờ khai và hướng dẫn người bị thu hồi đất, người có tài sản gắn liền với đất kê khai. Trường hợp người bị thu hồi đất không có mặt tại địa phương hoặc không xác định được địa chỉ của người bị thu hồi đất hoặc người bị thu hồi đất không hợp tác thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi lập danh sách từng trường hợp cụ thể, niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và tại địa điểm sinh hoạt

chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi. Trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, người bị thu hồi đất, người có tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai tại UBND cấp xã nơi có đất thu hồi. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm thu lại tờ khai. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày phát tờ khai mà người bị thu hồi đất, người có tài sản gắn liền với đất không kê khai hoặc không đến nhận tờ khai để kê khai thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã lập biên bản và lưu vào hồ sơ để tiếp tục thực hiện trình tự kiểm kê theo quy định.

Ngay sau khi thu lại tờ khai của người bị thu hồi đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã lập danh sách người bị thu hồi đất. Trường hợp người có tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người bị thu hồi đất (chỉ sở hữu tài sản gắn liền với đất) thì phải lập danh sách cả tên người bị thu hồi đất và người có tài sản gắn liền với đất. Căn cứ theo danh sách đã lập, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng gửi thông báo kiểm kê đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại cho người bị thu hồi đất và người có tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người bị thu hồi đất. Thông báo phải nêu rõ thời gian, địa điểm có mặt để tiến hành kiểm kê. Trường hợp người bị thu hồi đất, người có tài sản gắn liền với đất không có mặt tại địa phương hoặc không xác định được địa chỉ thì Tổ chức làm

nhệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã niêm yết thông báo kiểm kê đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại tại trụ sở UBND cấp xã và tại các địa điểm sinh hoạt của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đồng thời đăng thông báo trên Báo Long An trong 3 kỳ liên tiếp, thông báo trên Đài Phát thanh của huyện, xã 3 lần liên tiếp. Thời gian thực hiện niêm yết, thông báo trên các phương tiện thông tin trước ngày thực hiện kiểm kê ghi trong thông báo ít nhất là 10 ngày làm việc. Đến thời hạn kiểm kê mà người bị thu hồi đất, người có tài sản gắn liền với đất không đến liên hệ với UBND cấp xã hoặc Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã lập biên bản và thực hiện việc kiểm kê theo diện vắng chủ. Trường hợp đã tuyên truyền, vận động nhưng người bị thu hồi đất, người có tài sản gắn liền với đất vẫn cố tình gây cản trở, không cho tiến hành đo đạc, kiểm đếm để lấy số liệu phục vụ cho việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã lập biên bản và thực hiện trình tự kiểm kê theo diện bắt buộc.

Theo Quyết định này, nội dung kiểm kê bao gồm: Kiểm kê về đất đai và nhà cửa, vật kiến trúc (kiểm kê toàn bộ diện tích đất thu hồi, từng hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc, kết cấu, cấp hạng nhà, kích thước, diện tích; đối với nhà và các loại công trình, vật kiến trúc mà khi tháo dỡ phần bị giải tỏa làm ảnh hưởng đến cấu trúc của phần còn lại thì phải xem xét kiểm kê phần ảnh hưởng); kiểm kê về tài sản khác như đồng hồ điện, nước (phải ghi rõ là đồng hồ chính hay phụ), giếng, điện thoại...; kiểm kê về cây trồng (kiểm kê từng loại cây trồng hiện có trên đất, ghi rõ là cây tập trung hay cây phân tán, phân loại A, B, C, D, E,...) Đối với nhà cửa, vật kiến trúc phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh là tài sản của tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh, có trích khấu hao thì phải tính tỉ lệ giá trị

còn lại của tài sản để ghi vào biên bản kiểm kê tài sản.

Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại là tài liệu xác định diện tích, số lượng, chất lượng tài sản gắn liền với diện tích đất thu hồi để làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Nội dung biên bản phải ghi nhận ý kiến của người bị thu hồi đất, người có tài sản gắn liền với đất về thời gian làm nhà ở hoặc thời gian tạo lập tài sản có trên đất (công trình phụ, giếng nước, ao đào, cây trồng...). Trường hợp ghi biên bản ghi sai thì không được tẩy xóa mà phải gạch ngang chữ ghi sai và ghi lại cho đúng, ký tên phía trên chữ ghi sai đã gạch.

Trường hợp đã vận động thuyết phục ít nhất 3 lần nhưng người bị thu hồi đất, người có tài sản gắn liền với đất vẫn không đồng ý cho tiến hành đo đạc kiểm kê thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có trách nhiệm báo cáo, tham mưu UBND cấp huyện nơi có đất bị thu hồi thực hiện dự án ban hành quyết định về việc thực hiện kiểm kê bắt buộc và quyết định thành lập Tổ kiểm kê. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố và niêm yết quyết định kiểm kê bắt buộc và quyết định thành lập Tổ kiểm kê hoặc ngày niêm yết quyết định kiểm kê bắt buộc và thành lập Tổ kiểm kê, người bị thu hồi đất tiếp tục cản trở, không đồng ý cho tiến hành đo đạc kiểm kê thì tiến hành kiểm kê bắt buộc, thực hiện theo các bước: Tổ kiểm kê họp thông qua kế hoạch thực hiện, trong đó có phương án đảm bảo an toàn về người, phương tiện, vật chất khi tham gia tiến hành kiểm kê bắt buộc, phân công chuẩn bị điều kiện về con người, phương tiện vật chất và kiểm tra công tác đảm bảo trước khi thực hiện; Tổ kiểm kê bắt buộc đến địa điểm nơi có nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất phải kiểm kê bắt buộc để công bố quyết định kiểm kê bắt buộc và tiến hành kiểm kê bắt buộc theo kế hoạch. Khi tiến hành kiểm kê bắt buộc dù có mặt người bị thu hồi đất hay người bị thu hồi đất vắng mặt thì việc kiểm kê bắt buộc vẫn tiến hành nhưng phải

mời đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Công an cấp xã cùng dự theo Quy định này. Quá trình tiến hành kiểm kê bắt buộc phải được ghi vào biên bản đầy đủ, rõ ràng các số liệu cần thiết phục vụ cho việc lập phương án bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.longan.gov.vn)

**Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh
Bà Rịa - Vũng Tàu phê duyệt Đề án hỗ trợ
người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Ngày 07/10/2013, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quyết định này nêu rõ nguyên tắc hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở. Cụ thể, hỗ trợ về nhà ở cho hộ gia đình mà người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ hiện đang ở và có hộ khẩu thường trú tại nhà ở đó. Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình có một hoặc nhiều người có công với cách mạng có nhà ở bị hư hỏng, dột nát (kể cả các hộ đã được hỗ trợ theo các chính sách khác trước đây mà nay nhà ở đã bị hư hỏng, dột nát) để các hộ gia đình này xây dựng nhà ở mới hoặc sửa chữa nhà ở hiện có, đảm bảo nâng cao điều kiện nhà ở của người có công với cách mạng. Việc hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng phải đảm bảo công khai, minh bạch, tránh thất thoát, bảo đảm phân bổ công bằng và hợp lý các nguồn lực hỗ trợ. Việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở được thực hiện theo phương châm Nhà nước hỗ trợ và khuyến khích cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp để xây dựng nhà ở bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng hộ gia đình, kết hợp, lồng ghép với các chương trình đầu tư, hỗ trợ khác của Trung ương và địa phương để phát huy hiệu quả chính sách. Việc hỗ trợ người có công với cách mạng xây dựng

mới nhà ở hoặc sửa chữa nhà ở phải đảm bảo yêu cầu: Đối với trường hợp nhà ở phải phá dỡ để xây dựng lại thì nhà ở mới phải đảm bảo tiêu chuẩn 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), có diện tích tối thiểu là 30 m² (nếu là những hộ độc thân thì có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn 30 m² nhưng không thấp hơn 24 m²), có tuổi thọ từ 10 năm trở lên; đối với trường hợp nhà ở phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà ở thì sau khi sửa chữa phải đảm bảo tiêu chuẩn 2 cứng (khung - tường cứng, mái cứng), có tuổi thọ từ 10 năm trở lên, nhưng không yêu cầu phải đúng tiêu chuẩn về diện tích sử dụng như trên.

Theo Quyết định này, các hộ gia đình sau khi nhận được tạm ứng kinh phí hỗ trợ nhà ở theo quy định thì tự tổ chức xây dựng nhà ở. Trường hợp hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, khuyết tật...) không có khả năng tự xây dựng nhà ở thì UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức xây dựng nhà ở cho các hộ gia đình này. UBND cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát và giúp đỡ các hộ gia đình trong quá trình xây dựng, sửa chữa nhà ở; vận động các tổ chức, đoàn thể giúp đỡ các hộ gia đình xây dựng nhà ở, tận dụng cao nhất khả năng huy động nguồn lực từ cộng đồng và hộ gia đình về nhân công, khai thác vật liệu tại chỗ như cát, đá, sỏi, gỗ... để giảm giá thành xây dựng; khi hoàn thành xây dựng phần nền móng và khung - tường nhà ở thì phải lập Biên bản

xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành theo giai đoạn và khi hoàn thiện toàn bộ nhà ở thì phải lập Biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng.

Về kỹ thuật và chất lượng, nhà ở khi đã xây dựng hoặc sửa chữa hoàn thành phải bảo đảm vệ sinh môi trường, bao che kín đáo, tránh được tác động xấu của khí hậu, thời tiết; nhà ở xây dựng mới phải bảo đảm tiêu chuẩn 3 cứng đối với nhà ở phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà ở thì sau khi sửa chữa phải bảo đảm tiêu chuẩn 2 cứng. Các hộ gia đình có thể sử dụng các mẫu thiết kế điển hình do Sở Xây dựng cung cấp hoặc tham khảo các mẫu nhà ở truyền thống, thông dụng tại địa phương để lựa chọn quy mô và hình thức nhà ở phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng hộ. Sau khi hoàn thành việc xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở mà có thay đổi về diện tích nhà ở, nếu hộ gia đình được hỗ trợ có nhu cầu thì cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện cho các hộ gia đình thực hiện các thủ tục xác nhận thay đổi về nhà ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời hạn xác nhận các thay đổi trong Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Cũng theo Quyết định này, Sở Xây dựng là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án, đồng thời phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện Đề án; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án nhằm điều chỉnh, xử lý những vướng mắc phát sinh và khen thưởng động viên kịp thời các địa phương, đơn vị và cá nhân trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án. Ngoài ra, Sở Xây dựng có trách nhiệm thiết kế một số mẫu nhà ở theo các tiêu chí của Đề án này gửi các địa phương để triển khai đến các hộ tham khảo, lựa chọn xây dựng, đồng thời hướng dẫn các địa phương trong việc xây dựng nhà đảm bảo yêu cầu về diện tích và chất lượng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.baria-vungtau.gov.vn)



Nghiệm thu 02 Dự thảo tiêu chuẩn: “Kính xây dựng - Đặc tính an toàn của kính phẳng - Phương pháp thử và phân loại” và “Kính xây dựng - Xác định độ bền chịu tải trọng của kính xây dựng”

Ngày 13/11/2013, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu 02 dự thảo tiêu chuẩn: “Kính xây dựng - Đặc tính an toàn của kính phẳng - Phương pháp thử và phân loại” và “Kính xây dựng - Xác định độ bền chịu tải trọng của kính xây dựng” do Viện Nghiên cứu & Phát triển Viglacera nghiên cứu biên soạn. Chủ tịch Hội đồng - Tiến sĩ Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường Bộ Xây dựng chủ trì cuộc họp.

Báo cáo Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ về đề tài nghiên cứu biên soạn Tiêu chuẩn “Kính xây dựng - đặc tính an toàn của kính phẳng - phương pháp thử và phân loại”, KS. Trần Văn Quyết - Chủ nhiệm Đề tài cho biết, hiện nay kính là loại vật liệu xây dựng được sử dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng, do đó các tai nạn do va chạm giữa người và kính cũng xảy ra nhiều hơn. Các nghiên cứu về tai nạn do va chạm giữa người và kính cho thấy khi bị vỡ, các mảnh kính sắc nhọn có thể đâm và cắt cơ thể người gây ra thương vong. Vì vậy để đảm bảo an toàn cho con người sống và làm việc trong các tòa nhà lắp kính thì kính phải có các đặc tính an toàn phù hợp với các vị trí được sử dụng. Cơ sở để lựa chọn kính có đặc tính an toàn phù hợp là việc thử và phân loại đặc tính an toàn của kính. Nhiều quy chuẩn xây dựng của các nước đã quy định bắt buộc phải thử và phân loại đặc tính an toàn của kính sử dụng trong các tòa nhà.

Qua tham khảo các tiêu chuẩn nước ngoài về thử độ bền chịu va đập của kính cũng như các tài liệu đánh giá về các tiêu chuẩn phương pháp thử độ bền va đập cho kính phẳng, nhóm thực hiện đề tài đã lựa chọn tiêu chuẩn châu Âu BS EN 12600:2002 làm tài liệu gốc để biên



Toàn cảnh buổi họp của Hội đồng nghiệm thu

soạn dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam “TCVN ... 2013 Kính xây dựng - Đặc tính an toàn của kính phẳng - Phương pháp thử và phân loại”. Mục đích xây dựng tiêu chuẩn này nhằm quy định phương pháp thử và phân loại đặc tính an toàn của kính xây dựng phẳng nhằm giảm nguy cơ gây thương tích cho người khi va chạm với kính; đồng thời làm cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng đưa ra các quy định về an toàn sử dụng kính trong các tòa nhà.

Nội dung của dự thảo tiêu chuẩn gồm 7 phần: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Thuật ngữ và định nghĩa; Phương pháp thử; Phân loại đặc tính an toàn của kính; Báo cáo thử nghiệm; Phụ lục. Nội dung chính của dự thảo tiêu chuẩn này là đưa ra quy định về phương pháp thử và phân loại kính phẳng. Thiết bị thử theo dự thảo tiêu chuẩn này và thiết bị thử theo tiêu chuẩn TCVN 7368 chỉ khác nhau ở chi tiết quả đập. Quả đập theo tiêu chuẩn này là một tổ hợp gồm hai bánh xe lớp hơi, có gắn hai khối gia trọng bằng thép và có tổng khối lượng là 50 kg thay vì 45 kg như TCVN 7368 “Kính dán an toàn nhiều lớp - phương pháp thử độ bền va đập”. Phần phân loại đặc tính an toàn của sản phẩm kính được phân theo các

tiêu chí: chiều cao và đập và kiểu vỡ của kính.

Để đánh giá khả năng triển khai áp dụng của dự thảo tiêu chuẩn trong thực tế, nhóm tác giả đã chế tạo một quả đập bằng đôi bánh xe lốp hơi, theo thiết kế của tiêu chuẩn EN 12600, thay cho quả đập túi bi của thiết bị thử va đập theo TCVN 7368 lắp đặt tại phòng thử nghiệm kính của Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu. Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu đã chế tạo một số bộ mẫu thử theo các yêu cầu của dự thảo tiêu chuẩn đại diện cho một số loại sản phẩm kính được sản xuất phổ biến ở nước ta hiện nay. Các kết quả thử nghiệm sơ bộ cho thấy các loại kính an toàn sản xuất trong nước hoàn toàn có thể thử và phân loại theo tiêu chuẩn này và việc triển khai áp dụng tiêu chuẩn này trong thực tế không có khó khăn nào cả về trang thiết bị và kỹ thuật.

Về dự thảo Tiêu chuẩn “Kính xây dựng - Xác định độ bền chịu tải trọng của kính xây dựng”, Chủ nhiệm đề tài Nguyễn Đỗ Công cho biết, Bản tiêu chuẩn dự thảo được nghiên cứu, biên soạn dựa trên cơ sở biên dịch tiêu chuẩn ASTM E1300 - 12a đồng thời có sự kết hợp, so sánh với các tiêu chuẩn trong nước và các tài liệu nghiên cứu khoa học nước ngoài làm cơ sở cho việc nghiên cứu và thực hiện đề tài gồm: Tiêu chuẩn ASTM C1036 Specification for Flat Glass - “Kính phẳng - Yêu cầu kỹ thuật”; Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7526 - 2005 : Kính xây dựng - Định nghĩa và phân loại; TCVN 7505 - 2005: Quy phạm sử dụng kính trong xây dựng - Lựa chọn và lắp đặt; TCVN 2737 - 1995 : Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 7364 - 2004 : Kính xây dựng - Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp.

Nội dung của dự thảo tiêu chuẩn gồm 10 phần: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Thuật ngữ và định nghĩa; Tóm tắt phương pháp; Phương pháp xác định; Báo cáo kết quả; Độ chụm và độ chệch; Phụ lục; Các ví dụ; Phụ lục tham khảo. Tiêu chuẩn này quy định phương pháp xác định độ bền chịu tải trọng (LR) cho

kết cấu hình chữ nhật của kính đơn, kính dán, hoặc kính hộp cách nhiệt với khung đỡ bên liên tục dọc theo một, hai, ba hoặc bốn cạnh chịu một tải trọng vuông góc đồng nhất với bề mặt kính trong thời gian ngắn hay dài, với một xác suất vỡ nhất định.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các loại kính được lắp dựng thẳng và dốc trong đó tải trọng thiết kế được xác định bao gồm tải trọng gió, tải trọng tuyết và tự trọng với tổng số cường độ kết hợp nhỏ hơn hoặc bằng 15 kPa. Vì thế, tiêu chuẩn này chỉ sử dụng để xác định độ bền của kính đối với tải trọng vuông góc đồng nhất với bề mặt kính. Độ dày và loại kính cuối cùng được chọn còn phụ thuộc vào nhiều hệ số khác. Và không áp dụng tiêu chuẩn này cho kính cốt lưới thép, kính cán, kính mờ hóa chất, kính phun cát, kính đã khoan, kính uốn hình chữ V hoặc kính đã soi rãnh được xử lý bề mặt và cạnh làm thay đổi độ bền của kính.

Nhóm tác giả cho rằng dự thảo tiêu chuẩn “Kính xây dựng - Xác định độ bền chịu tải trọng của kính xây dựng” sẽ là một công cụ hỗ trợ tốt cho các chuyên gia thiết kế và có cơ sở để tuân theo các quy định thiết kế của nhà nước. Các cơ quan quản lý xây dựng sử dụng tiêu chuẩn để đảm bảo các công trình được cấp phép tuân theo đúng các quy định. Nhà sản xuất có thể sử dụng tiêu chuẩn để hỗ trợ khách hàng của họ lựa chọn đúng loại kính và độ dày thích hợp.

Đánh giá về kết quả thực hiện của các đề tài, các chuyên gia phản biện cũng như các thành viên của Hội đồng đều nhất trí với việc xây dựng các dự thảo tiêu chuẩn dựa trên nền các tiêu chuẩn tiên tiến như tiêu chuẩn châu Âu (EN), tiêu chuẩn Mỹ (ASTM) và có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp điều kiện Việt Nam là sự lựa chọn đúng đắn của các nhóm thực hiện đề tài; Các dự thảo tiêu chuẩn được biên soạn sau khi được nghiệm thu, ban hành sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam về kính xây dựng. Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến để các nhóm

biên soạn hiệu chỉnh về một số thuật ngữ chuyên ngành cũng như bố cục, sắp xếp các phần trong dự thảo các tiêu chuẩn.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa bày tỏ đồng tình với các đánh giá, nhận xét về các đề tài của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng. TS. Nguyễn Trung Hòa đề nghị các

nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến của Hội đồng để chỉnh sửa dự thảo tiêu chuẩn và sớm hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Xây dựng để gửi Bộ Khoa học và Công nghệ làm thủ tục công bố.

Cả hai đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Quỳnh Anh

Nghiệm thu 02 đề tài cấp Bộ của trường Cao đẳng Xây dựng số 1

Ngày 21/11/2013 tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu 02 đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ “Nghiên cứu đề xuất nội dung đào tạo kiến thức pháp luật xây dựng cho HSSV khối ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng trình độ TCCN, cao đẳng” mã số RD 18-12 (Chủ nhiệm đề tài: ThS. Phạm Xuân Điều) và “Nghiên cứu xây dựng bài giảng môn Kỹ thuật thi công hệ TCCN ngành Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp theo phương pháp mô hình hóa” mã số RD 16-12 (do TS. Trần Đăng Quế làm chủ nhiệm) - hai đề tài do trường Cao đẳng Xây dựng (CĐXD) số 1 chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Về đề tài mã RD 18-12, Th.S Phạm Xuân Điều cho biết: Qua điều tra khảo sát, hầu hết HSSV các trường có đào tạo ngành công nghệ kỹ thuật xây dựng sau khi ra trường, đi làm tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp đều rất ngỡ ngờ khi tiếp xúc, làm việc với các luật và VBPL liên quan tới hoạt động xây dựng. Cho tới nay, chưa có một trường nào có đề cương chi tiết môn Pháp luật Xây dựng. Tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập bộ môn này đều là tài liệu lồng ghép, do giáo viên tự biên soạn và sử dụng nội bộ. Xuất phát từ thực tế nêu trên, việc xây dựng đề cương chi tiết bộ môn là vô cùng cần thiết, để có thể tổng hợp thành giáo trình chung áp dụng cho tất cả các trường trong ngành. Với mục tiêu



Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu Nguyễn Trung Hòa phát biểu kết luận cuộc họp

giúp HSSV nắm được hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng từ cấp TW đến địa phương; hiểu được nội dung cơ bản về QLNN trong xây dựng, và hệ thống VBPL về đầu tư xây dựng; hiểu các yêu cầu, nội dung cơ bản của một đồ án quy hoạch xây dựng hay một dự án đầu tư xây dựng công trình cũng như các biện pháp xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng; nhóm đề tài đã xây dựng đề cương chi tiết môn Pháp luật Xây dựng gồm 2 học phần, 30 tiết trong đó có 26 tiết lý thuyết, 01 tiết kiểm tra và 03 tiết thảo luận.

Trình bày sự cần thiết, tóm tắt nội dung và phương pháp thực hiện đề tài mã RD 16-12, TS. Trần Đăng Quế nhấn mạnh: Môn Kỹ thuật thi công là một môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo hệ TCCN xây dựng dân dụng & công nghiệp. Tuy vậy, việc giảng dạy môn này hiện nay còn nhiều bất cập, tài liệu giảng dạy

chưa cập nhật, các giáo trình phần lớn mang tính hàn lâm, thiếu phần thực hành nghề nghiệp. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp trực quan, sinh động hơn, tạo sự hứng thú trong học tập cho HSSV, đề tài “Nghiên cứu xây dựng bài giảng môn Kỹ thuật thi công hệ TCCN ngành Xây dựng dân dụng & công nghiệp theo phương pháp mô hình hóa” rất kịp thời và cần thiết. Sản phẩm của đề tài là các hình ảnh 3D được vẽ bằng phần mềm Sketchup, giúp giáo viên có thể chiếu hình ảnh các công tác thi công theo các hướng nhìn khác nhau, qua đó giúp sinh viên dễ dàng hình dung và tiếp thu kiến thức hơn.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính thực tiễn, tính khoa học của cả 2 đề tài. Để các đề tài hoàn chỉnh và mang tính ứng dụng cao, đáp ứng tốt nhất mục tiêu đào tạo của hệ TCCN & cao đẳng chuyên ngành, Hội đồng đã đóng góp nhiều ý kiến thiết

thực về nội dung, thời lượng một số môn học; tăng thời gian thực hành, tăng nội dung tự học ở nhà. Về đề tài mã RD 16-12, các thành viên Hội đồng đánh giá rất cao sự mạnh dạn đổi mới tư duy giảng dạy của nhóm tác giả, đồng thời góp ý để nhóm nghiên cứu đưa các hình ảnh thực tế vào bài giảng, khi đó bài học sẽ sinh động và thiết thực hơn.

Tổng hợp các ý kiến của Hội đồng, TS. Nguyễn Trung Hòa đề nghị các nhóm đề tài hoàn thiện các số liệu điều tra, rà soát nội dung các chương trình cho phù hợp đối tượng đào tạo. TS. Hòa cũng lưu ý các nhóm đề tài chỉnh sửa sản phẩm theo ý kiến đóng góp của Hội đồng, trình Bộ sớm xem xét trước khi thông qua.

Hai đề tài đã được nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá cho đề tài mã số RD 18-12 và loại Xuất sắc cho đề tài mã số RD 16-12.

Lệ Minh

Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu chế tạo vữa chống thấm lớp mỏng gốc xi măng-polyme dùng để chống thấm các công trình xây dựng

Ngày 22/11/2013, Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiệm thu các kết quả nghiên cứu của đề tài: “Nghiên cứu chế tạo vữa chống thấm lớp mỏng gốc xi măng-polyme dùng để chống thấm các công trình xây dựng” - mã số RD 47-12 do Viện Vật liệu Xây dựng thực hiện. Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường Bộ Xây dựng - ThS. Trần Đình Thái làm Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu.

Báo cáo trước Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ, thay mặt nhóm nghiên cứu, KS. Nguyễn Tiến Dũng - Chủ nhiệm đề tài đã trình bày tóm tắt quá trình nghiên cứu và các kết quả đạt được của đề tài. Theo báo cáo, trước nhu cầu sử dụng và yêu cầu ngày càng cao của thị trường đối với các hệ vật liệu chống thấm, nhằm rút

ngắn thời gian thi công và nâng cao chất lượng các công trình xây dựng, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện Vật liệu Xây dựng thực hiện nhiệm vụ “Nghiên cứu chế tạo vữa chống thấm lớp mỏng gốc xi măng-polyme dùng để chống thấm các công trình xây dựng”. Mục tiêu của nhiệm vụ là thiết lập được công nghệ sản xuất vữa chống thấm màng mỏng gốc xi măng-polyme một thành phần đạt được các mức yêu cầu kỹ thuật tương đương với tiêu chuẩn kỹ thuật của các sản phẩm cùng loại được nhập khẩu từ nước ngoài, đồng thời cải thiện một số tính năng còn hạn chế so với các sản phẩm nhập khẩu đang lưu thông trên thị trường.

KS. Nguyễn Tiến Dũng cho biết, màng chống thấm gốc xi măng-polyme đã được sử



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

dụng trên 40 năm qua ở các nước châu Âu, áp dụng cho các kết cấu xây dựng, đặc biệt là kết cấu xây dựng ngầm, trong đó vữa chống thấm lớp mỏng chiếm 35 % thị phần vật liệu chống thấm. Trên thị trường Việt Nam, vữa chống thấm gốc xi măng-polyme chủ yếu được nhập khẩu từ các nước tiên tiến như Đức, Thụy Sĩ, Singapore, Thái Lan. Chỉ có một số ít các đơn vị trong nước nghiên cứu chế tạo vữa xi măng-polyme với hàm lượng bột polyme tái phân tán khoảng 6 - 10% trong vữa làm vữa dán gạch và đá ốp lát gốc xi măng và vữa phủ sàn tự san phẳng (hàm lượng bột polyme tái phân tán khoảng 2 - 5% khối lượng so với xi măng). Theo đánh giá của nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế, trong tương lai, việc sản xuất và ứng dụng vữa khô trộn sẵn ở nước ta sẽ phát triển mạnh, đặc biệt là vữa chống thấm lớp mỏng sử dụng bột polyme tái phân tán nhờ hiệu quả kinh tế - kỹ thuật mà loại vữa này đem lại.

Thông qua việc nghiên cứu cơ chế tác dụng của polyme trong hỗn hợp xi măng cũng như vai trò của bột polyme tái phân tán trong vữa chống thấm lớp mỏng, các loại phụ gia silica-fume, phụ gia siêu dẻo, phụ gia khử bọt và các nguyên vật liệu khác để chế tạo vữa chống thấm lớp mỏng như cát trắng, xi măng với các cấp phối khác nhau, nhóm đề tài đã xây dựng được một bài phối liệu của vữa chống thấm lớp mỏng gốc xi măng-polyme có các chỉ tiêu kỹ thuật đạt và vượt mức đã đăng ký trong đề cương, đặc biệt là các chỉ tiêu về cường độ bám

dính, khả năng tạo cầu vết nước ở điều kiện tiêu chuẩn. Ngoài các chỉ tiêu chất lượng đã đăng ký, nhóm đề tài cũng tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu khác như độ chống thấm ở áp lực nước lớn hơn 150 kPa trong 7 ngày và thời gian cho phép thi công của sản phẩm. Kết quả cho thấy, độ chống thấm nước của sản phẩm có thể chịu đến 170 kPa, thời gian thi công phù hợp với thực tế ứng dụng.

Trên cơ sở bài phối liệu đã được đúc rút trong quá trình nghiên cứu thử nghiệm, nhóm đề tài đã tiến hành sản xuất thử 1000kg vữa chống thấm màng mỏng và lấy mẫu để kiểm tra lại tính chất của sản phẩm, đồng thời đã đưa sản phẩm vào ứng dụng trong thi công chống thấm cho 02 công trình tại Hà Nội.

Về những kết quả chính của đề tài, KS. Nguyễn Tiến Dũng cho biết, nhóm thực hiện đề tài đã lựa chọn được cấp phối thích hợp để chế tạo vữa chống thấm lớp mỏng từ các nguồn nguyên liệu có sẵn trong nước và một số phụ gia nhập khẩu từ nước ngoài, bao gồm: xi măng PCB 40 Nghi Sơn, cát trắng Quảng Bình, bột polyme tái phân tán Vinapas 7055N, silicafume SF Grade 940U, phụ gia siêu dẻo Mellflux 2641F, phụ gia phá bọt Vinapor DF 9010F; nghiên cứu và đưa ra quy trình công nghệ chế tạo vữa chống thấm lớp mỏng quy mô pilot 2.000 tấn/năm tương đối đơn giản, gọn nhẹ và có tính khả thi cao; chất lượng sản phẩm vữa chống thấm lớp mỏng của đề tài đạt và vượt mức đăng ký, tương đương các sản phẩm vữa chống thấm nhập khẩu như Gripset C1P và cao hơn so với vữa chống thấm Sika; đề tài đã đưa ra quy trình hướng dẫn sử dụng cũng như bảo quản sản phẩm; kết quả ứng dụng ban đầu sản phẩm của đề tài tại 02 công trình đã được đơn vị thi công và chủ công trình đánh giá cao về tính năng kỹ thuật cũng như hiệu quả kinh tế.

Đánh giá về đề tài, các chuyên gia phản biện của Hội đồng KHKT Bộ Xây dựng cho rằng, việc nghiên cứu vữa chống thấm gốc xi măng-polyme là hết sức đúng đắn do vấn đề

chống thấm cho các công trình xây dựng hiện đang là vấn đề bức thiết hiện nay. Kết quả của đề tài đã tạo ra một sản phẩm vật liệu chống thấm lớp mỏng đạt hiệu quả cao, giá thành hợp lý và có ý nghĩa lớn nếu được đưa ra thị trường. Tuy nhiên, bên cạnh những tính chất của sản phẩm đã được rút ra từ các kết quả thí nghiệm trong phòng và thực tiễn áp dụng tại 02 công trình, nhóm nghiên cứu cũng cần tiếp tục theo dõi và xem xét vấn đề lão hóa, khả năng chống bong tróc của sản phẩm theo thời gian.

Đóng góp cho nhóm nghiên cứu, các thành viên của Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao các kết quả chủ yếu của đề tài và lưu ý nhóm nghiên cứu cần làm rõ thêm về hướng dẫn cũng như những khuyến cáo về sử dụng sản phẩm, một số chỉ tiêu về hệ số co giãn của vật liệu, khả năng bám dính, khả năng thay thế nguyên liệu nhập khẩu bằng nguyên liệu trong nước để hạ

giá thành sản phẩm...

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ, Chủ tịch Hội đồng – Th.S Trần Đình Thái đã đánh giá cao những nỗ lực của nhóm nghiên cứu trong việc thực hiện đề tài này, báo cáo đề tài được trình bày một cách khoa học, kết quả của đề tài mang ý nghĩa thực tiễn cao, đã được áp dụng tại một số công trình trong thực tiễn. Th.S Trần Đình Thái cũng nhất trí với những nhận xét, đánh giá của các chuyên gia phản biện cũng như của các thành viên Hội đồng và đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu, tiếp tục theo dõi các công trình đã áp dụng sản phẩm, tiến hành xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm cũng như tài liệu hướng dẫn sử dụng.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại xuất sắc.

Minh Tuấn

Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu chế tạo chất chống dính khuôn trên cơ sở dầu khoáng hoạt tính nhằm nâng cao hiệu quả tái sử dụng phế liệu trong sản xuất gạch bê tông khí chưng áp (AAC) công nghiệp”

Ngày 22/11/2013, tại Hà Nội, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu chế tạo chất chống dính khuôn trên cơ sở dầu khoáng hoạt tính nhằm nâng cao hiệu quả tái sử dụng phế liệu trong sản xuất gạch bê tông khí chưng áp (AAC) công nghiệp” do ThS. Phạm Văn Thắng – Viện Vật liệu xây dựng làm chủ nhiệm đề tài.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, ThS. Phạm Văn Thắng đã báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài. Báo cáo thuyết minh đề tài gồm 6 phần: Tổng quan tình hình nghiên cứu và sử dụng chất chống dính khuôn trong công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; Cơ sở khoa học và vấn đề nghiên cứu; Nguyên vật liệu, thiết bị và các phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu
cứu và thảo luận; Sản xuất, ứng dụng thử và sơ bộ tính toán giá thành; Quy trình công nghệ sản xuất chất chống dính.

Theo nội dung báo cáo, để có một kết cấu

bê tông đạt yêu cầu cả về mặt kỹ thuật và thẩm mỹ thì yếu tố cơ bản nhất là sau khi dỡ bỏ ván khuôn thu được bề mặt bê tông không bị hư hỏng. Do vậy, trong công nghệ sản xuất bê tông nói chung không thể không có chất chống dính khuôn. Thông thường các nhà chuyển giao công nghệ có khuyến cáo sử dụng chất chống dính khuôn kèm theo của bên chuyển giao công nghệ, nhưng do giá thành của chất chống dính đó cao làm ảnh hưởng tới giá thành chung của gạch AAC, nên các nhà sản xuất gạch AAC trong nước thường không sử dụng. Hiện đa phần chất chống dính khuôn cho gạch AAC đều sử dụng trực tiếp dầu thải công nghiệp do yếu tố phải đảm bảo giá thành cho sản phẩm. Do vậy để nâng cao việc tái sử dụng phế liệu hiệu quả trong quá trình sản xuất gạch AAC, rất cần chất chống dính khuôn đáp ứng được tính năng chống dính tốt trong quá trình sản xuất gạch AAC và đảm bảo an toàn cho môi trường.

Mục tiêu chính đề tài đặt ra là xây dựng quy trình công nghệ chế tạo chất chống dính khuôn có tính khả thi cao sử dụng trong sản xuất gạch bê tông khí chung áp AAC ở điều kiện Việt Nam. Đề tài đã được nhóm nghiên cứu thực hiện theo các bước: khảo sát, đánh giá, lựa chọn thành phần nguồn nguyên liệu để chế tạo chất chống dính khuôn; nghiên cứu xác lập cấp phối và quy trình chế tạo chất chống dính khuôn trên cơ sở các nguồn nguyên liệu đã lựa chọn; nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tính chất của sản phẩm chế tạo; nghiên cứu đề xuất quy trình công nghệ sản xuất dạng pilot. Tiến hành sản xuất thử 1000 lít sản phẩm, đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật đạt được so với mục tiêu đề ra; đánh giá hiệu quả kỹ thuật – kinh tế của sản phẩm chế tạo; ứng dụng thử tại một số nhà máy sản xuất gạch bê tông khí chung áp.

Thông qua việc tìm hiểu thông tin và khảo sát thực tế trong công nghệ sản xuất gạch bê tông khí chung áp AAC, nhóm nghiên cứu nhận thấy, công nghệ này có những đặc điểm khác biệt với những công nghệ sản xuất vật liệu xây

dựng khác như: hạt nguyên liệu trong thành phần cấp phối có kích thước nhỏ, tỷ lệ nước/xi măng cao, quá trình đóng rắn cưỡng bức bằng nhiệt độ và áp suất cao... Do đó chất chống dính khuôn cho gạch AAC ngoài những khả năng tất yếu cần phải đáp ứng như: khả năng chống dính tốt, tạo ngoại quan tốt cho sản phẩm, không ăn mòn bề mặt khuôn kim loại, không làm ảnh hưởng tới tính chất của gạch... và còn phải đáp ứng yêu cầu khác của thực tế sản xuất là khả năng bám dính với khuôn khi ở nhiệt độ cao. Kết thúc chu kỳ của một mẻ sản xuất, khuôn sử dụng cho mẻ sản xuất kế tiếp có nhiệt độ vào khoảng 600C - 700C. Với các cơ sở khoa học đã được phân tích cụ thể và các thông tin tìm hiểu từ thực tế sản xuất gạch bê tông khí chung áp AAC, nhóm đề tài định hướng chế tạo sản phẩm ở dạng nhũ tương, có thành phần dầu gốc kết hợp với 2 loại dầu là dầu khoáng và dầu thực vật. Tuy nhiên, để sản phẩm nghiên cứu có tính ứng dụng cao, đáp ứng yêu cầu về mặt kinh tế cho các nhà sản xuất gạch AAC, nhóm nghiên cứu đã sử dụng thành phần dầu thực vật là dầu ăn phế thải để làm nguồn nguyên liệu nghiên cứu chế tạo, sản phẩm nghiên cứu sẽ phát huy được những ưu điểm vốn có về khả năng chống dính từ 2 loại nguyên liệu trên đó là với thành phần dầu khoáng là sản phẩm nguyên chất, chưa qua sử dụng tạo cho sản phẩm có tính ổn định, cùng với đó dầu khoáng có độ nhớt cao làm tăng khả năng bám dính với khuôn sản xuất gạch AAC. Sau khi thực hiện sản xuất thử nghiệm 1000 lít trên dây chuyền quy mô pilot, sản phẩm đã đạt được các chỉ tiêu đăng ký trong đề cương của đề tài nghiên cứu. Nhóm đề tài đã ứng dụng thành công tại Công ty CP Bê tông khí Viglacera và đã nhận được sự đánh giá cao về mặt kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm chống dính khuôn chế tạo, đồng thời cũng đã tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ bên ứng dụng để sản phẩm hoàn thiện hơn nữa.

Kết quả nghiên cứu của Viện Vật liệu xây

dụng về chất chống dính khuôn sử dụng trong công nghệ sản xuất gạch AAC sẽ mở ra những phạm vi ứng dụng trong công nghệ sản xuất các loại vật liệu xây dựng đúc sẵn khác và dần thay thế các sản phẩm chống dính khuôn cùng loại nhập ngoại đang có mặt trên thị trường. Ngoài ra, sự ra đời của loại vật liệu này còn góp phần đảm bảo sự ổn định nguồn cung cấp sản phẩm cho các nhà sản xuất vật liệu xây dựng trong nước nói chung và nhà sản xuất gạch AAC nói riêng, đồng thời giải quyết những vấn đề về môi trường.

Nhận xét về đề tài, các thành viên Hội đồng đều đánh giá cao kết quả nghiên cứu của đề tài, ngoài những kết quả nghiên cứu đạt được, đề tài sẽ góp phần không nhỏ trong việc bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, theo các ý kiến đóng góp của các chuyên gia, đề tài được hoàn thiện hơn, nhóm thực hiện cần làm rõ cơ sở khoa học về các chỉ tiêu kỹ thuật mà chất

chống dính khuôn chế tạo cần đạt, chỉnh sửa các lỗi chính tả và bổ sung bảng chú thích các từ viết tắt để người đọc dễ hiểu.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Trần Đình Thái - Vụ phó Vụ Khoa học Công nghệ & Môi trường, đề tài đã đưa ra một quy trình thử nghiệm rõ ràng, áp dụng vào dây chuyền sản xuất cụ thể và đặc biệt đã góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường. Chủ tịch Hội đồng cũng yêu cầu nhóm thực hiện, ngoài việc tiếp thu các ý kiến đóng góp của các chuyên gia, còn phải bổ sung thêm các yêu cầu về nguyên liệu đầu vào và viết lại báo cáo theo đúng quy định để làm nổi bật nội dung và ý nghĩa của đề tài.

Với kết quả đạt được, Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá.

Bích Ngọc

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Uông Bí là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Ninh

Ngày 13/11/2013, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Uông Bí là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Ninh đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị - Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Tham dự hội nghị về phía địa phương có đồng chí Đỗ Thông, ủy viên thường vụ, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh; đồng chí Nguyễn Văn Long, Bí thư Thành ủy thành phố Uông Bí; đồng chí Nguyễn Thành Phố, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố; đại diện HĐND thành phố. Về phía Trung ương có đại diện các Bộ ngành liên quan; đại diện Hội nghề Việt Nam; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Trình bày sự cần thiết lập Đề án, nội dung Đề án, đồng chí Nguyễn Thành Phố cho biết: thành phố Uông Bí là một trong 14 đơn vị cấp huyện của tỉnh Quảng Ninh được thành lập từ



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị chủ trì Hội nghị thẩm định

năm 1961. Sau 47 năm thành lập, ngày 1/2/2008, thị xã Uông Bí đã được công nhận là đô thị loại III theo Quyết định số 187/QĐ-BXD. Nằm gần hệ thống cảng hàng không Quốc tế Cát Bi, có Quốc lộ 10 và Quốc lộ 18A đi qua, đồng thời nằm trên tuyến đường sắt quốc gia Yên Viên - Hạ Long; Uông Bí là một đô thị phát

triển trong trục đô thị Móng Cái - Cẩm Phả - Hạ Long - Uông Bí. Bên cạnh đó, Uông Bí là một thành phố công nghiệp (khai thác than, nhiệt điện, chế tạo thiết bị, có nhà máy nhiệt điện Uông Bí, mỏ than Vàng Danh...); đặc biệt là thành phố - trung tâm du lịch tâm linh, du lịch sinh thái của cả nước với Di tích lịch sử văn hóa danh thắng Yên Tử nổi tiếng, Kinh đô Phật giáo, nơi ra đời Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam.

Uông Bí có vị trí đặc biệt về an ninh quốc phòng, là tuyến phòng thủ phía đông bắc của Tổ quốc. Những thuận lợi về vị trí địa lý, địa hình và tính chất đô thị là tiền đề để Uông Bí tiếp nhận sự đầu tư, hỗ trợ về kỹ thuật, phát triển thị trường, đồng thời phát huy được vị trí chiến lược về kinh tế, an ninh quốc phòng và các tiềm năng vốn có của mình, tạo những bước đột phá về thế và lực trong thời kỳ phát triển mới.

Giai đoạn từ 2008 đến nay, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, cùng với nỗ lực của Chính quyền và nhân dân địa phương, Uông Bí không ngừng đổi mới và phát triển, đạt được nhiều thành tích ấn tượng, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế xã hội của toàn tỉnh Quảng Ninh và cả nước: Tăng trưởng kinh tế của thành phố năm 2012 đạt 13,7%; thu nhập bình quân đầu người năm 2012 đạt hơn 2600 USD - gấp 1,9 lần so với mức bình quân cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2012 chỉ còn 1,62%. Cơ cấu kinh tế của thành phố đang chuyển dịch đúng hướng, với hướng phát triển từ "nâu" sang "xanh"; tỷ lệ nông nghiệp chỉ còn chiếm 5,6%. Kết cấu hạ tầng đô thị tương đối hoàn chỉnh; diện mạo đổi mới rất nhiều theo hướng một đô thị văn minh và hiện đại. Toàn thành phố có 11 khu đô thị mới, trong đó có 04 khu đã hoàn thành, 07 khu đang được đầu tư xây dựng, đáp ứng nhu cầu về nhà ở ngày càng cao của người dân. Tỷ lệ cấp nước sạch đô thị năm 2012 là 90%. Về cấp điện và chiếu sáng công cộng, 100% số hộ dân nội thị được dùng điện. Căn bản, Uông Bí đã hội tụ đủ các điều kiện cần

thiết để trở thành đô thị loại II - theo các quy định trong Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP. Việc nâng loại cho thành phố Uông Bí (trước thời hạn) thành đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Ninh sẽ đánh dấu một bước trưởng thành quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh nói chung và thành phố Uông Bí nói riêng.

Báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng, các báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ và Vụ Quy hoạch Kiến trúc - Bộ Xây dựng, và các thành viên khác trong Hội đồng đều đánh giá cao những kết quả Uông Bí đã đạt được trên chặng đường phấn đấu trở thành đô thị loại II, với rất nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mức quy định, như các chỉ tiêu về kinh tế xã hội, nhà ở và công trình công cộng... Các thành viên Hội đồng cũng kiến nghị địa phương lưu ý tính kết nối đô thị; phát triển giao thông tỉnh và vận chuyển xe buýt nội đô; xem Uông Bí là địa điểm dự phòng cho các thành phố vùng duyên hải Việt Nam (với đặc điểm địa lý đặc thù) trong các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đặc biệt, theo Hội đồng, bảo vệ môi trường là vấn đề bức thiết của Uông Bí, vì đây là thành phố than, bụi than làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, mất mỹ quan thành phố.

Tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định, đồng chí Đỗ Thông, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh nhất trí: nhiệm vụ đang và sẽ tiếp tục được đặt ra đối với lãnh đạo tỉnh và thành phố không phải là đô thị được nâng cấp, mà chính là chất lượng cuộc sống người dân, những người được thụ hưởng thành quả tốt đẹp từ việc đô thị được nâng cấp. Do đó, trong thời gian tới, địa phương hứa sẽ tập trung đầu tư, hoàn thành một số chỉ tiêu còn chưa đạt và nâng cao hơn nữa các chỉ tiêu còn thấp. Về

định hướng bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp (khai khoáng) gắn với phát triển du lịch, dịch vụ và thương mại, đồng chí cho biết: Môi trường luôn là một vấn đề lớn của Quảng Ninh; bởi sản lượng khai thác than càng lớn thì lượng chất thải càng nhiều. Vì vậy, trong những năm qua Uông Bí đã quyết tâm thu hút đầu tư công nghệ cao và bảo vệ môi trường. Hiện nay, các bãi thải (than xỉ) đã được quy hoạch, các nhà máy xử lý nước thải mỏ đã xây dựng xong. Bên cạnh đó, tỉnh đã cùng với ngành than quyết liệt triển khai công tác quy hoạch ngành than; khuyến khích vận chuyển than bằng đường sắt, tiến tới xây dựng các băng tải kín phục vụ vận chuyển than.

Tổng hợp các ý kiến rất khách quan, tâm huyết của toàn thể Hội đồng, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị nhất trí công nhận thành phố Uông Bí là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Ninh với số điểm trung bình 83,62 điểm; có tới 33/49 chỉ tiêu vượt mức so với quy định,

trong đó có các chỉ tiêu kinh tế xã hội, hạ tầng xã hội; và 11/49 chỉ tiêu đạt yêu cầu. Ghi nhận nỗ lực phấn đấu không ngừng cho kết quả nâng loại đô thị hôm nay của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh và thành phố Uông Bí, Thứ trưởng cũng lưu ý địa phương cần nhanh chóng khắc phục các chỉ tiêu chưa đạt (nhà tang lễ, tỷ lệ nước thải được xử lý), nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống người dân đô thị, chất lượng đô thị, đảm bảo sự phát triển bền vững cho Uông Bí sau khi được nâng loại. Về các nội dung quản lý đô thị, bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan, chất lượng công trình kiến trúc, an ninh quốc phòng..., Thứ trưởng đề nghị UBND tỉnh cần tiếp thu ý kiến các Bộ ngành, nhanh chóng lập kế hoạch, xác định rõ mô hình phát triển của thành phố trong tương lai theo hướng phát triển bền vững.

Lệ Minh

Hội thảo: “Thực tiễn, kinh nghiệm xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật về tiết kiệm nước của quốc tế và định hướng cho Việt Nam”

Ngày 22/11/2013, Vụ KHCN & Môi trường - Bộ Xây dựng phối hợp với Trung tâm tiết kiệm năng lượng Tp. Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo “Thực tiễn, kinh nghiệm xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật về tiết kiệm nước (TKN) của quốc tế và định hướng cho Việt Nam”. Tham dự Hội thảo có đại diện các Cục, Vụ, Viện chức năng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên - Môi trường; lãnh đạo Hội cấp thoát nước Việt Nam, Viện KHKT & Bảo vệ môi trường. Đặc biệt, Hội thảo có sự tham gia của ông Hika ru Kobayashi, nguyên Thứ trưởng Bộ Môi trường Nhật Bản; bà Kanako Toyosada, Phó Tổng Giám đốc Ủy ban TKN châu Á, cùng các chuyên gia Nhật Bản trong lĩnh vực liên quan. TS. Nguyễn Trung Hòa, Vụ trưởng Vụ KHCN &



Toàn cảnh Hội thảo

Môi trường, Bộ Xây dựng chủ trì Hội thảo.

Phát biểu khai mạc, TS. Nguyễn Trung Hòa nêu rõ: TKN là lĩnh vực quan trọng trong cuộc sống hiện đại của Việt Nam, cũng là chủ đề lớn

đang được Bộ Xây dựng hết sức quan tâm, vì TKN là tiết kiệm năng lượng sản xuất ra nước, đồng nghĩa với việc tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường. Theo thống kê của nhiều tổ chức quốc tế, Việt Nam đang phải đối mặt với vấn đề trầm trọng, khi mà lượng nước sạch cung cấp hàng năm thất thoát tới 30%, một trong những nguyên nhân chủ yếu là hệ thống cấp nước, thiết bị cấp nước thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa. Việc biên soạn các quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấp nước, xử lý nước là vô cùng quan trọng và cần thiết.

Hiện tại, Bộ Xây dựng đang chỉ đạo xây dựng chiến lược Chương trình phát triển xanh tại Việt Nam; mục tiêu tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước được đề ra. Bên cạnh đó, Bộ cũng đang tiến hành xây dựng Chương trình chống thất thoát nước sạch và xây dựng bộ quy chuẩn cấp - thoát nước cho nhà ở và các công trình xây dựng. Nhật Bản từ lâu là một đối tác chiến lược của Bộ Xây dựng, là một đất nước có nền công nghiệp phát triển, có bề dày kinh nghiệm trong xây dựng cơ chế chính sách, văn bản kỹ thuật nhằm quản lý nước sạch theo hướng tiết kiệm. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, TS. Hòa mong muốn qua Hội thảo, những kinh nghiệm và bài học thực tiễn quý báu của Nhật sẽ được các chuyên gia hai phía cùng chia sẻ với nhau để đề xuất được một khung tiêu chuẩn TKN phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

Theo đại diện Viện Nghiên cứu cấp thoát nước & Môi trường (Hội Cấp thoát nước Việt Nam) - đơn vị được Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ biên soạn tiêu chuẩn cấp nước, thoát nước cho nhà ở và các công trình xây dựng, ngành cấp thoát nước Việt Nam hiện nay cần giải quyết 3 nhiệm vụ chính. Đó là chống thất thoát nước trong mạng lưới phân phối; thu gom, tái sử dụng nước mưa; TKN trong nhà và các công trình xây dựng (trong nhiệm vụ này, việc nghiên cứu, xây dựng những tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật của thiết bị vệ sinh sử dụng trong nhà và các công trình công cộng cho phù hợp tiêu chuẩn TKN là

rất quan trọng, và là chủ đề chính của Hội thảo).

Phát biểu tại Hội thảo, bà Kanako Toyosada cho biết: khi xây dựng tiêu chuẩn TKN cho các thiết bị vệ sinh trong nhà và các công trình công cộng, mục tiêu TKN cần đặt ra song song với việc đảm bảo sự thoải mái, thuận tiện cho người sử dụng. Trên cơ sở nguyên tắc này, trong quá trình biên soạn, các chuyên gia Nhật đã phân tích tiêu chuẩn của nhiều nước tiên tiến khác, lập bảng biểu so sánh các thông số và chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, từ đó đề xuất khung tiêu chuẩn TKN phù hợp. Bà cũng dẫn chứng cụ thể các thông tin về độ bền, hiệu suất làm sạch, sự thoải mái cho người tiêu dùng; các thông số lý tính (lực phun nước, phạm vi dàn phun, mức sụt giảm nhiệt độ...) và mức độ hài lòng của người tiêu dùng chuyển đổi thành mức độ cảm giác đối với sản phẩm vòi hoa sen; hiệu suất cơ bản nhấn, xả, làm sạch... đối với sản phẩm bồn cầu. Ngoài ra còn bồn rửa mặt, bồn rửa bát, hệ thống đường ống nước... và nhiều sản phẩm vệ sinh khác trong nhà và công trình công cộng.

Đại diện Công ty TNHH Toto cũng có nhiều đề xuất mới phù hợp với tình hình và điều kiện của Việt Nam qua các thiết kế sản phẩm vệ sinh. Nhiều đại biểu thật sự bất ngờ và ấn tượng với các chỉ báo TKN tới 40% của bồn cầu, và 35% của vòi tắm sen nhãn hiệu Toto.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã nghe và cùng thảo luận các kinh nghiệm của Nhật và những tiến bộ gần đây trong quá trình chuyển sang thành phố sinh học (tham luận của ông Hikaru Kobayashi, nguyên Thứ trưởng Bộ Môi trường); các phương pháp TKN theo cơ chế của thành phố Kitakyushu (Nhật) cho xã hội cacbon thấp; xây dựng khung tiêu chuẩn sản phẩm TKN theo Ủy ban TKN châu Á; xây dựng tiêu chuẩn TKN tại Việt Nam theo hướng JCM...

Lệ Minh

Nghiên cứu sử dụng xi măng pooc-lăng đá vôi làm bê tông rải đường ở Mỹ

Việc hiện đại hoá sản xuất xi măng làm giảm những tác động tới môi trường. Trong quá trình sản xuất clinker, các nhà máy sản xuất xi măng theo phương pháp khô đã sử dụng các tháp trao đổi nhiệt để tận dụng nhiệt khí thải của các lò nung sấy khô nguyên liệu, quá trình này làm giảm phát thải nhiệt và khí CO₂ ra môi trường. Ngoài ra, nhiều nhà máy xi măng còn sử dụng các nhiên liệu thay thế như sẫm lốp xe cao su phế thải, giấy, chất dẻo phế thải và các vật liệu phế thải làm nhiên liệu nung xi măng. Điều đó đã làm giảm ô nhiễm môi trường và giảm được nguyên liệu hoá thạch (như than đá, dầu mỏ...).

Có thể giảm được rất nhiều phát thải khí CO₂ bằng cách nghiền lẫn hay trộn thêm các chất kết dính thay thế (SCM) mà không cần phải nung đá vôi.

Các tiêu chuẩn Mỹ ASTM C150/C150M “Tiêu chuẩn phân loại xi măng pooc-lăng” và AASHTOM85 “Tiêu chuẩn phân loại xi măng pooc-lăng (hoá & lý)” (giao thông) đã cho phép sử dụng tới 5% đá vôi nghiền mịn làm xi măng. Đá vôi khai thác tự nhiên phải có hàm lượng CaCO₃ trên 70% khối lượng. Đã tiến hành thử tính năng của xi măng như thời gian đông cứng, cường độ nén, độ mịn theo Blaine và thành phần hoá-khoáng.

Mấy năm gần đây các loại xi măng theo tiêu chuẩn ASTM C1157 Type GU (GU = sử dụng chung) đã được phê chuẩn sử dụng ở cả hai bang Colorado và Utah của Mỹ để làm đường giao thông. Gần đây nhất ra đời xi măng pooc-lăng đá vôi theo tiêu chuẩn ASTM C595 Type II năm 2012. Các loại xi măng này chứa tới 10% đá vôi nghiền mịn.

Kinh nghiệm của bang Colorado

Đường bê tông ở Denver: Chất kết dính gồm 80% xi măng pooc-lăng đá vôi ASTM C1157 Type GU (10% đá vôi nghiền mịn) và 20% tro

bay. Hỗn hợp bê tông thiết kế chứa 7% không khí, có độ sụt 45 mm, cốt liệu lớn là bê tông tái chế. Cường độ nén trung bình của bê tông ở các tuổi 1,2,3 và 7 ngày tương ứng bằng 13,3; 26,1; 36,0; và 45,4 Mpa. Cường độ uốn 7 ngày đạt 5,69 Mpa. Các số liệu này đều vượt yêu cầu thiết kế.

Đường cao tốc ở Lamar: Dự án đường cao tốc này chia làm hai giai đoạn, bắt đầu từ tháng 5/2008 và kết thúc tháng 6/2009. Công trình xây dựng 11,3 km đường cao tốc. Chất kết dính gồm xi măng pooc-lăng ASTM C1157 Type GU (10% đá vôi) và 20% tro bay nhóm F. Lượng chất kết dính: 320 kg/m³ bê tông, xi măng bền sun-phát và chịu tác động của phản ứng kiềm-silic. Tỷ lệ N/chất kết dính = 0,34. Bê tông đạt cường độ chịu uốn 28 ngày bằng 4,48 Mpa.

Đường giao thông trong bang dài 32 km đoạn Castle Rock, nam Denver. Bắt đầu thi công từ năm 2008. Hỗn hợp bê tông gồm xi măng pooc-lăng đá vôi ASTM C1157 Type GU và 20% tro bay nhóm F, dùng làm mặt đường. Lượng chất kết dính bằng 307 kg/m³ bê tông, tỷ lệ N/chất kết dính = 0,42. Cường độ uốn bê tông 28 ngày đạt 4,89 Mpa. Hoàn thành vào cuối năm 2009.

Kinh nghiệm của bang Utah

Cải tạo tuyến đường Lost Creek năm 2009 bằng bê tông cốt thép rải dày 254 mm. Bê tông làm từ xi măng pooc-lăng đá vôi loại ASTM C1157 Type GU (10% đá vôi) với 20% tro bay nhóm F. Cường độ nén bê tông 28 ngày đạt trung bình 35,3 Mpa, uốn đạt 4,96 Mpa.

Tuyến đường SR 201 nối Salt Lake City với thung lũng phía Tây Salk Lake, thi công năm 2009. Hỗn hợp bê tông gồm xi măng pooc-lăng đá vôi ASTM C150 Type II/V và loại ASTM C1157 Type GU với 25% tro bay nhóm F. Cường độ nén bê tông 28 ngày trung bình đạt 34,5 Mpa. Nhiệt độ trung bình của bê tông bằng

2 - 10 độ C. Sau 4 năm sử dụng mặt đường bê tông vẫn tốt.

Kết luận:

Sử dụng chất kết dính xi măng pooc-lăng đá vôi giảm được tác động xấu tới môi trường, tiết kiệm xi măng pooc-lăng trong xây dựng.

Tăng độ bền vững cho bê tông rải đường, sử dụng được các chất kết dính thay thế xi măng pooc-lăng.

Đã xây dựng và cải tạo được 640 km đường

giao thông ở hai bang Colorado và Utah bằng bê tông xi măng pooc-lăng đá vôi ASTM C1157 Type GU (10% đá vôi) đạt cường độ thiết kế và các tính năng bền vững khác.

Brooke W.Smartz, Todd S.Laker & Thomas Van Dam

*Nguồn: Tạp chí Concrete International, Mỹ-
N9/2013*

ND: Đinh Bá Lô

Lễ Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Viện Khoa học Công nghệ xây dựng và đón nhận Huân chương Độc lập hạng nhất

Ngày 18/11/2013, Viện Khoa học Công nghệ xây dựng đã long trọng tổ chức lễ Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng nhất (lần 2).

Tới dự buổi Lễ có Ủy viên BCH TW Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị; các đồng chí Nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Mạnh Kiểm và Nguyễn Hồng Quân cùng lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng, các Bộ ngành TW; đại diện UBND, Sở Xây dựng một số tỉnh và đại diện các trường đại học, các Hiệp hội nghề nghiệp cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Viện.

Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển, Viện KHCN XD tự hào là đơn vị có bề dày thành tích trong công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành xây dựng trong nhiều năm qua. Đồng chí Viện trưởng Trịnh Việt Cường đã thay mặt toàn thể cán bộ công nhân viên của Viện báo cáo về thành tích và chặng đường 50 năm phấn đấu của Viện. Từ con số 64 cán bộ vào năm 1963 khi Viện mới được thành lập với tên gọi ban đầu là Viện Thí nghiệm vật liệu xây dựng - tổ chức trực thuộc Bộ Kiến trúc, đến nay số lượng cán bộ của Viện đã lên tới 592 người, cơ cấu tổ chức hiện tại của Viện có 18 đơn vị gồm: 3 phòng chức năng, 3 Viện nghiên cứu chuyên ngành, 1 Viện thông tin đào tạo và Tiêu chuẩn hóa, 2 Phân viện tại miền Nam và miền Trung, 8 Trung tâm và 1 Công ty cổ phần.

Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển, Viện đã từng bước trưởng thành cùng với sự phát triển chung của đất nước và 55 năm phát triển của ngành Xây dựng Việt Nam. Viện hoạt động theo mô hình của Tổ chức Khoa học và Công nghệ tự trang trải kinh phí với chức năng



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Lễ kỷ niệm

và nhiệm vụ được Bộ Xây dựng giao là: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ trong xây dựng; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến thông tin về lĩnh vực tiêu chuẩn hoá xây dựng; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hợp tác quốc tế và thông tin về khoa học công nghệ xây dựng; chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng; xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư xây dựng, kinh doanh và thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng.

Trong những năm qua để đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập, Viện đã từng bước đầu tư, đổi mới các trang thiết bị hiện đại và cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu và thí nghiệm liên quan đến xây dựng. Nhiều đề tài, dự án được hoàn thành và đưa vào ứng dụng thực tế, đem lại hiệu quả cao trong thiết kế thi công xây dựng. Bên cạnh đó, Viện cũng đã nghiên cứu, biên soạn nhiều quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng quan trọng của ngành; ứng dụng, chuyển giao được nhiều công nghệ xây dựng tiên tiến, giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Trong công tác đào tạo, Viện đã thực hiện đào tạo được 40 tiến sĩ, 8.918 trưởng phòng và



*Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng
thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao tặng
Huân chương Độc lập hạng Nhất (lần 2)
cho Viện KHCNXD*

thí nghiệm viên, 6.332 tư vấn giám sát công trình, tổ chức được 4.656 lớp tập huấn kỹ thuật chuyên ngành và 2.062 lớp tập huấn chuyên ngành khác. Về lĩnh vực hợp tác quốc tế, Viện cũng đã hợp tác được với các tổ chức khoa học, Viện Hàn lâm khoa học, các trường đại học, Hiệp hội khoa học của một số nước trên giới như Australia, Nga, Anh, Nhật Bản, Trung Quốc, Ba Lan, Mỹ, Nauy, Đức, Thái Lan, Bỉ, Thủy Điển. Công tác Đảng, công tác Đoàn Thanh niên cũng được quan tâm chú trọng để nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên của Viện.

Với sự cố gắng nỗ lực và những thành tích đạt được, Viện vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2005, Huân chương Lao động các hạng, Huân chương Độc lập các hạng; nhiều năm liên tục được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc.

Ghi nhận những thành tựu xuất sắc mà Viện KHCNXD đã đạt được, tại buổi Lễ kỷ niệm, thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã trao tặng Huân chương Độc lập hạng nhất (lần 2) cho tập thể cán bộ công nhân viên Viện KHCNXD và Huân chương Lao động hạng Ba cho các cá nhân ông Nguyễn Đại Minh - Phó Viện trưởng Viện KHCNXD, ông Trần Minh Đức - GD Phân viện

KHCN miền Trung, ông Nguyễn Hùng Minh - GD Trung tâm Phát triển công nghệ và Vật liệu xây dựng, ông Nguyễn Tiến Huy - GD Trung tâm Tư vấn thiết kế và xây dựng, bà Nguyễn Lệ Thủy - Phó phòng Tổ chức hành chính Viện KHCN XD. Cũng trong buổi lễ, 4 cán bộ thuộc Viện là ông Diêm Công Huy - GD Trung tâm tư vấn trắc địa và xây dựng, ông Nguyễn Quang Hiệp - Phó GD Trung tâm Phát triển công nghệ và vật liệu xây dựng, bà Nguyễn Thị Thanh Hoài - Trưởng phòng TCKT Viện KHCN XD, bà Trần Thị Chanh - Trưởng phòng Tổng hợp, Phân viện KHCN XD miền Trung đã vinh dự nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Phát biểu trong buổi Lễ, thay mặt Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã nhiệt liệt biểu dương và chúc mừng những thành tích mà các thể hệ cán bộ công nhân viên của Viện đạt được trong 50 năm qua. Bộ trưởng ghi nhận sự lớn mạnh của Viện trong những năm qua đã khẳng định vai trò và vị thế của một đơn vị sự nghiệp khoa học hàng đầu của ngành xây dựng trong cả nước. Trước những yêu cầu của ngành và đất nước, Viện KHCNXD đã có những đóng góp rất quan trọng vào kết quả chung của ngành xây dựng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bộ trưởng yêu cầu lãnh đạo cũng như cán bộ công nhân viên của Viện cần phấn đấu hơn nữa để phát huy truyền thống tốt đẹp của Viện, tập trung phát triển công tác nghiên cứu khoa học để thực hiện tốt Chiến lược khoa học công nghệ của ngành xây dựng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung phát triển Viện trở thành một trung tâm khoa học công nghệ lớn của ngành, phát huy những tiềm năng sẵn có, xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên gia có đủ năng lực để tiếp cận kịp thời với những công nghệ mới trên thế giới, chủ động giải quyết những vấn đề thực tế đang đặt ra.

Thay mặt tập thể cán bộ công nhân viên của Viện, đồng chí Trịnh Việt Cường đã trân trọng cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của Đảng và Nhà

nước; sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ Xây dựng đối với các hoạt động và nhiệm vụ của Viện; và hứa Viện KHCN XD sẽ tiếp thu ý kiến đóng góp của lãnh đạo Bộ, tiếp tục phát huy truyền thống là đơn vị anh hùng, nâng cao chất

lượng chuyên môn, đi sâu nghiên cứu khoa học, thực hiện tốt các nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Bộ Xây dựng giao phó.

Quỳnh Anh

Hội thảo “Đề án huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị”

Ngày 21/11/2013, tại Hà Nội, Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo “Đề án huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị”. Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan chuyên môn của Bộ Xây dựng, lãnh đạo các địa phương, các doanh nghiệp và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Thứ trưởng thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang chủ trì và điều hành Hội thảo.

Báo cáo về dự thảo Đề án, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng Lê Văn Cư cho biết, sự phát triển nhanh chóng của các đô thị tại Việt Nam đòi hỏi nhu cầu lớn về vốn đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là trong các lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn đô thị. Tuy nhiên, trong bối cảnh ngân sách nhà nước ngày càng hạn hẹp, khả năng vay vốn ODA ngày càng khó khăn, để phát triển bền vững hệ thống hạ tầng kỹ thuật thì cần phải huy động tối đa sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế vào đầu tư xây dựng và duy trì khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Việc xây dựng Đề án sẽ giúp đánh giá đầy đủ thực trạng, nhu cầu phát triển, tiềm năng huy động vốn, từ đó đề xuất hệ thống cơ chế, chính sách phù hợp làm cơ sở phát huy tối đa các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị.

Theo báo cáo, tính đến thời điểm hiện nay,



Thứ trưởng Cao Lại Quang phát biểu tại Hội thảo

cả nước có 500/750 thị trấn, thị xã có hệ thống cấp nước tập trung; tổng công suất cấp nước thiết kế đạt 6,6 - 6,65 triệu m³/ngày; tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 77,5 - 78%, tỷ lệ thất thoát, thất thu bình quân khoảng 27%; mức sử dụng nước sạch đô thị đạt 105 lít/người/ngày đêm; Cả nước mới có 7 đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung với 22 trạm xử lý với khoảng 10% lượng nước thải đô thị được xử lý; Hệ thống thoát nước đô thị được đầu tư qua nhiều thời kỳ khác nhau, nhiều tuyến cống xuống cấp nên khả năng tiêu thoát kém, hệ thống thoát nước hiện hành chỉ đáp ứng khoảng 60% nhu cầu thoát nước; Hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị hiện nay vẫn phổ biến xử lý bằng cách chôn lấp và không đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, tỷ lệ chôn lấp hợp vệ sinh thấp mới chỉ đạt 31%. Trong 5 năm vừa qua (2008 - 2012), tình hình huy động vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, xét theo

góc độ nguồn vốn cho hệ thống, vốn nhà nước được huy động để đầu tư là chủ yếu (cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn đô thị) trong khi nguồn vốn ngoài nhà nước còn rất hạn chế, đặc biệt là vốn của khu vực kinh tế tư nhân. Ngoài ra, đến nay còn tồn tại một loạt các vấn đề liên quan tới công tác cấp thoát nước và xử lý môi trường như: Khả năng cấp vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước ngày càng hạn chế, hiện tại không đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư trong khi nhu cầu xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn lớn. Trong khi khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư và khai thác các dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn hạn chế; trách nhiệm đóng góp của người thụ hưởng dịch vụ cấp thoát nước và xử lý môi trường ở đô thị còn có hạn. Mức độ chi trả của người dân đối với dịch vụ cấp nước, phí xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị còn ít; nguồn lực từ quỹ đất khai thác không nhiều; cơ chế ưu đãi, khuyến khích trực tiếp bằng ngân sách nhà nước đầu tư chưa khả thi; hoạt động quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị chưa được xã hội hóa rộng rãi...

Giải pháp để huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị mà Đề án đưa ra là: một mặt, huy động tối đa các nguồn lực, chú trọng khai thác tiềm năng lợi thế của các thành phần kinh tế trong đầu tư phát triển hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị; đảm bảo đạt các mục tiêu đặt ra tới năm 2020 trong các định hướng và chiến lược phát triển về cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Mặt khác, có chính sách ưu đãi, hỗ trợ vốn đầu tư; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị. Để huy động đóng góp người thụ hưởng dịch vụ thì các địa phương phải căn cứ vào khung giá nước để quy

định giá nước sạch phù hợp với các đối tượng sử dụng và xây dựng lộ trình điều chỉnh giá nước sạch tới năm 2020 trên nguyên tắc xóa bỏ bù giá nước sạch từ ngân sách đáp ứng mục tiêu hiệu quả kinh tế; sửa đổi các quy định về phí vệ sinh môi trường. Hoàn thiện cơ chế khuyến khích nghiên cứu công nghệ, cơ chế phát triển công nghệ, phát triển công nghệ sản xuất vật tư, chế tạo thiết bị cho các lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn đô thị do các tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện. Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, suất đầu tư, chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, suất chi phí xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, các chỉ tiêu kinh tế khác. Rà soát, bổ sung cơ chế ràng buộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư trong quá trình đầu tư, vận hành, khai thác. Tuyên truyền phổ biến về cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị...

Các đại biểu tham dự Hội thảo đánh cao nội dung của Đề án và nhận định hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp đang bắt đầu đầu tư về hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn, nhưng đang gặp rất nhiều bất cập và cần có cơ chế chính sách, định mức và hướng dẫn phù hợp. Ngoài ra, nhóm thực hiện cũng cần phân tích rõ hơn nữa về thực trạng huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn hiện nay và xem xét lại các số liệu phù hợp với thực tế.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang cho rằng đây là một Đề án khó và đánh giá cao kết quả thực hiện của Viện Kinh tế Xây dựng. Thứ trưởng yêu cầu nhóm thực hiện tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đại biểu, cần phân tích rõ hơn về thực trạng, đề xuất sửa đổi những bất cập trong cơ chế chính sách, nâng cao nguồn lực từ cộng đồng, từ đó sẽ khái quát được bức tranh thu hút nguồn lực ngoài ngân sách trong lĩnh vực này.

Bích Ngọc

Hội thảo: “Chương trình hỗ trợ tín dụng quốc tế cho phát triển nhà ở xã hội tại Việt Nam”

Ngày 19/11/2013, tại Hà Nội, Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản đã tổ chức Hội thảo: “Chương trình hỗ trợ tín dụng quốc tế cho phát triển nhà ở xã hội tại Việt Nam”. Ông Nguyễn Trọng Ninh - Cục phó Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản điều hành Hội thảo.

Tham dự Hội thảo còn có: Bà Angerika NuneZ - trưởng đoàn hỗ trợ kỹ thuật Ngân hàng thế giới (WB), cùng đại diện của Ngân hàng nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, lãnh đạo đại diện các Cục, Vụ chức năng Bộ Xây dựng.

Đại diện của Ngân hàng Thế giới cho biết: Để đáp lại những mong muốn nhận được hỗ trợ từ phía Ngân hàng thế giới của Bộ Xây dựng Việt Nam về lĩnh vực nhà ở, Hội thảo được tổ chức là để cả hai phía, đặc biệt là Ngân hàng thế giới xem xét, nghiên cứu về tình hình nhà ở xã hội tại Việt Nam, đồng thời chia sẻ những kinh nghiệm mà Ngân hàng Thế giới đang hỗ trợ một số nước.

Tại hội thảo các đại biểu đã được nghe một loạt các tham luận của các về lĩnh vực nhà ở xã hội như: Tổng quan chính sách, chiến lược phát triển nhà ở xã hội tại Việt Nam của Cục Quản lý Nhà & Thị trường Bất động sản; Quy hoạch và phát triển nhà ở xã hội bền vững của VIAP; Kinh nghiệm hỗ trợ tín dụng quốc tế cho nhà ở xã hội tại Việt Nam của Ban Quản lý các Dự án tín dụng quốc tế (Ngân hàng nhà nước); Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu đô thị Đặng Xá Gia Lâm (Vigracera); Một số kinh nghiệm quốc tế và ví dụ về phát triển nhà ở xã hội của Bà Angerika NuneZ - trưởng đoàn hỗ trợ kỹ thuật Ngân hàng Thế giới.

Nội dung chính của các tham luận là thống kê nhu cầu của người dân về nhà ở, giới thiệu chiến lược phát triển, thành quả đạt được trong quá trình thực hiện, đồng thời các đơn vị còn đưa ra những khó khăn và bất cập còn tồn tại trong lĩnh vực phát triển nhà ở xã hội.



Toàn cảnh Hội thảo

Theo thống kê, nhu cầu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp hiện nay khoảng 11,28 triệu m² tương đương 282.000 căn; nhu cầu nhà ở xã hội cho công nhân hiện là 8,4 triệu m² tương đương 280.000 căn; nhu cầu nhà ở sinh viên các cơ sở đào tạo hiện có 3 triệu học viên, sinh viên. Hiện trên cả nước có hơn 3 triệu m² sàn nhà nhà chung cư cũ được xây dựng từ trước năm 1991 với hơn 100 nghìn hộ dân sinh sống. Trong đó, riêng Hà nội có khoảng 23 chung cư cũ từ 4 đến 5 tầng, có tổng diện tích sàn khoảng 1 triệu m² với trên 30 nghìn hộ và 10 khu nhà ở tập thể thấp tầng. Thành phố Hồ Chí Minh có 6 khu chung cư tập trung và nhiều nhà chung cư lẻ nằm rải rác trong 12 quận nội thành, trong đó riêng các chung cư cũ bị hỏng nặng đã có hơn 0,4 triệu m² với khoảng 10 nghìn hộ dân hiện đang sinh sống.

Những khó khăn chủ yếu hiện nay do nguồn vốn ngân sách cho đầu tư nhà xã hội còn hạn chế. Trong thời kỳ 2008 - 2011, thị trường nhà ở phát triển “nóng”, nhưng các nhà đầu tư chỉ tập trung phát triển nhà ở diện tích lớn, cao cấp cho người thu nhập cao, không quan tâm đến việc xây dựng nhà ở thu nhập thấp vì lợi nhuận thấp; hầu hết các nhà đầu tư tham gia xây dựng nhà ở xã hội để bán, rất ít nhà đầu tư xây dựng nhà ở để thuê, thuê mua (nhà ở thuộc sở hữu riêng chiếm tỷ lệ trên 92%, nhà ở thuê dưới

6,5%). Giai đoạn từ năm 2011 đến nay, thị trường nhà ở kém sôi động, sản phẩm nhà ở cao cấp, quy mô căn hộ lớn không tiêu thụ được, lượng tồn kho nhiều; thiếu loại nhà ở có quy mô căn hộ nhỏ phù hợp với đối tượng thu nhập thấp; cấu thành giá bán 1 m² các dự án nhà ở cho người thu nhập thấp hiện nay đang bao gồm cả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật nên giá vẫn còn cao chưa thực sự thu hút khách hàng đối với các dự án được triển khai ở khu vực ngoại thành Hà Nội, xa trung tâm. Trong khi đó, các dự án nhà ở thương mại ở các khu vực này có xu hướng giảm tiệm cận gần với giá của nhà thu nhập thấp; việc tiếp cận gói 30.000 tỷ đồng đối với khách hàng cá nhân gặp khó khăn do quy định bắt người thu nhập thấp muốn vay tiền

phải chứng minh khả năng trả nợ tại các ngân hàng thương mại...

Phát biểu tại buổi Hội thảo, ông Nguyễn Trọng Ninh - Cục phó Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản cho biết, Hội thảo là bước tiếp cận ban đầu của nhóm nghiên cứu Ngân hàng thế giới với thị trường nhà ở tại Việt Nam, hi vọng trong những bước tiếp theo sẽ nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ của các cơ quan tổ chức Ngân hàng thế giới, làm sao để Việt Nam có thể giải quyết các vấn đề về nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp và các đối tượng xã hội, vừa phù hợp với thông lệ quốc tế và vừa đảm bảo với đặc điểm của Việt Nam.

Bích Ngọc

Hội thảo: “Đánh giá tiến độ giai đoạn 3, chuẩn bị giai đoạn 4 Chương trình Quản lý nước thải tại các tỉnh ly Việt Nam”

Ngày 26/11/2013, Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) đã phối hợp với Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) tổ chức Hội thảo “Đánh giá tiến độ giai đoạn 3, chuẩn bị nội dung thực hiện giai đoạn 4 của Chương trình Quản lý nước thải và chất thải rắn tại các tỉnh ly Việt Nam”.

Tham dự Hội thảo có Đoàn đánh giá và thẩm định do Chính phủ Đức cử sang thông qua Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức, đại diện Bộ hợp tác kinh tế và phát triển Đức, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ Hợp tác quốc tế (Bộ Xây dựng), Hội Cấp thoát nước Việt Nam (VWSA), lãnh đạo các địa phương nơi triển khai dự án.

Chương trình Quản lý nước thải và chất thải rắn tại các tỉnh ly Việt Nam là chương trình hỗ trợ phát triển chính thức của Chính phủ CHLB Đức dành cho Việt Nam. Chương trình gồm 2 mô-đun: Hợp tác Tài chính do Ngân hàng Tái thiết Đức KfW và Chính phủ Việt Nam đồng tài trợ; Dự án Hợp tác Kỹ thuật do Cơ quan Hợp tác



Toàn cảnh Hội thảo

Quốc tế CHLB Đức (GIZ) thực hiện với sự hợp tác của Bộ Xây dựng. Chương trình hỗ trợ kỹ thuật được thực hiện từ năm 2005, đến nay đã trải qua ba giai đoạn. Sau 8 năm thực hiện, Chương trình đã mang lại hiệu quả thiết thực, đặc biệt trong việc tăng cường năng lực ngành thoát nước ở ba cấp (quốc gia, địa phương và công ty).



Ông Nguyễn Hồng Tiến và ông Hanns Bernd Kuchta ký kết Nội dung thực hiện giai đoạn 4

Theo báo cáo của Đoàn đánh giá, trong các giai đoạn trước, Chương trình đã cải thiện về khung chính sách ở cấp quốc gia và cấp tỉnh, cải thiện dịch vụ trong ngành thoát nước, nâng cao năng lực trong ngành nước thải ở Việt Nam, cải thiện quản lý tri thức ngành, từ đó bảo vệ môi trường và đạt được một số mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Chương trình đã biên soạn và hệ thống hóa kiến thức ngành và tăng cường tiếp cận ngành thông qua các hoạt động phát triển chiến lược quản lý kiến thức, đánh giá và chuẩn hóa đào tạo, biên soạn và phổ biến bài học rút ra từ những địa phương triển khai Chương trình; biên soạn và hệ thống hóa tri thức tại tỉnh và nâng cao tiếp cận cộng đồng tại cấp tỉnh; tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức của các công ty thoát nước và tăng cường quan hệ ở cấp công ty.

Trên cơ sở những cuộc họp gần đây được thực hiện giữa Chính phủ CHLB Đức và Việt Nam về kế hoạch hợp tác trong những năm tới, hai bên đã thống nhất quản lý nước thải tiếp tục là một lĩnh vực cần được hỗ trợ. Vì vậy, Chương trình Quản lý nước thải và chất thải rắn tại các tỉnh ly Việt Nam cần được nghiên cứu tiếp tục giai đoạn 4. Nội dung cơ bản của giai đoạn này là tập trung vào các nội dung quản lý, chuyển giao tri thức, tăng cường năng lực, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan và tính bền vững nhằm phát huy và nhân rộng hiệu quả đã đạt được trong 3 giai đoạn trước. Cụ thể, ở cấp

quốc gia, giai đoạn 4 của Chương trình dự kiến hỗ trợ Bộ Xây dựng trong lĩnh vực phát triển chính sách, xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định mới về thoát nước và quản lý nước thải, hỗ trợ phổ biến Nghị định mới về thoát nước và quản lý nước thải, tiếp tục các hoạt động trợ giúp Bộ Xây dựng về vấn đề xử lý nước thải phi tập trung, tổng hợp và phổ biến những bài học kinh nghiệm thu được từ quá trình trao đổi kiến thức, kinh nghiệm giữa các tỉnh với cấp Trung ương được thực hiện từ trước đến nay, phổ biến và nhân rộng những phương pháp tiếp cận thành công về tăng cường thể chế tại cấp tỉnh, đánh giá, chia sẻ và chuẩn hóa công tác đào tạo hiện nay dành cho các công ty thoát nước... Ở cấp tỉnh, hỗ trợ 3 tỉnh Hòa Bình, Lạng Sơn và Sơn La tiếp tục xây dựng và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước địa phương, hỗ trợ đối thoại giữa các tỉnh để trao đổi kinh nghiệm theo chiều ngang, xây dựng chiến lược quản lý tri thức đối với các thông tin và sản phẩm trong lĩnh vực quản lý nước thải, tiếp tục hỗ trợ đối thoại giữa Bộ Xây dựng và UBND các tỉnh nhằm thúc đẩy việc thực hiện chính sách (trao đổi theo chiều dọc), phổ biến và nhân rộng những phương pháp tiếp cận thành công về tăng cường thể chế tại cấp tỉnh. Trong giai đoạn này, Chương trình xem Hội Cấp thoát nước như một thành viên đóng vai trò tổng hợp những kinh nghiệm rút ra từ những khóa đào tạo cho công ty thoát nước đã được thực hiện từ trước đến nay; đánh giá, chia sẻ và chuẩn hóa công tác đào tạo hiện nay dành cho các công ty thoát nước; phối hợp xây dựng và tổ chức thí điểm các khóa đào tạo thực tế, đáp ứng nhu cầu dành cho các công ty thoát nước và xử lý nước thải, đánh giá và cải thiện kiến thức phương pháp luận về phát triển năng lực cho VWSA...

Cũng tại Hội thảo, đại diện các địa phương nơi triển khai Chương trình đã đề xuất cần xây dựng các văn bản làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nước thải và chất thải rắn tại địa

phương, thay đổi một số quy định kỹ thuật về cấp thoát nước (ví dụ, quy định về đầu nổi nên do Nhà nước quyết định, không nên để doanh nghiệp quyết định...).

Hội thảo đã thống nhất nội dung thực hiện trong giai đoạn 4 của Chương trình, và cuối buổi Hội thảo, đại diện Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức, ông Hanns Bernd Kuchta, đã ký biên bản Nội

dung thực hiện giai đoạn 4 Chương trình Quản lý nước thải và chất thải rắn tại các tỉnh ly Việt Nam với Cục Hạ tầng kỹ thuật do ông Nguyễn Hồng Tiến đại diện và với Hội cấp thoát nước Việt Nam do ông Trần Quang Hưng đại diện.

Thu Huyền

Ưu tiên cho “xây dựng xanh”

Theo các chuyên gia, các ngôi nhà là nguồn tiêu thụ năng lượng chính, đồng thời là nơi phát sinh nhiều thứ gây ô nhiễm cho môi trường xung quanh. Việc sử dụng một lượng lớn nhiên liệu để sưởi ấm tòa nhà dẫn tới sự gia tăng khí thải vào bầu khí quyển. Các chuyên gia Nga đánh giá: để sưởi ấm và cung cấp nước nóng tại quốc gia này, 64% nhiệt năng của cả nước đã bị tiêu tốn hàng năm - tức là cao hơn gần gấp 3 lần các quốc gia châu Âu có cùng đặc điểm khí hậu.

Giải pháp hữu hiệu cho tình trạng trên chính là “xây dựng xanh” - công nghệ được áp dụng ngày càng rộng rãi trong cuộc sống.

Thế nào là “xây dựng xanh”? Đó là phương pháp xây dựng và khai thác các tòa nhà sao cho tác động không tốt của những tòa nhà này tới môi trường xung quanh được giảm thiểu tối đa; với mục đích giảm mức tiêu thụ năng lượng và nguồn tài nguyên vật chất trong suốt vòng đời của công trình: từ lựa chọn vị trí theo thiết kế, thi công, khai thác, sửa chữa cho tới khi phá dỡ. Một mục đích nữa của “xây dựng xanh” là duy trì và nâng cao chất lượng các ngôi nhà, và tính tiện nghi cho không gian bên trong các ngôi nhà đó. Thực tiễn này đã nhân rộng, đồng thời bổ sung các khái niệm mới cho các thiết kế xây dựng theo truyền thống như tiết kiệm, lợi ích, tuổi thọ dài lâu và tính tiện nghi.

Nước Nga không đứng ngoài tiến trình “xây dựng xanh” trên toàn thế giới. Trong nước, các công trình xây dựng đều được nhận chứng chỉ LEED, BREEAM... Ngoài ra, hệ thống chứng

chỉ quốc gia đã được nghiên cứu xây dựng và áp dụng, trong đó có GOST P 54964 - 2012 “Đánh giá sự phù hợp. Các yêu cầu về sinh thái đối với công trình bất động sản”, và các tiêu chuẩn quốc gia CTO NOSTROI 2.35.4-2011 “Xây dựng xanh. Nhà ở và công trình công cộng. Tính toán các đặc điểm vùng miền trong hệ thống phân cấp đánh giá tính bền vững của môi trường sống”. Việc đánh giá tính hiệu quả của các công trình xanh thường được tiến hành bởi bên thứ ba, với sự trợ giúp của hệ thống phân cấp được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn của ngành. Hệ thống này tổng hợp các chỉ tiêu về số lượng và chất lượng nhằm đánh giá ngôi nhà như không gian sống của con người, thể hiện ở mức tiện nghi, hiệu quả sử dụng năng lượng, tính sinh thái và bảo vệ môi trường xung quanh theo các nguyên tắc phát triển bền vững.

Khái niệm “ngôi nhà như không gian sống” thể hiện tính tổng hợp của các công trình nhà, các hiện tượng, yếu tố thiên nhiên và nhân tạo xác định điều kiện cho hoạt động sống của con người - tức là chính ngôi nhà và toàn bộ hạ tầng kèm theo vườn hoa, sân chơi trẻ em, sân tập thể thao, bãi đỗ xe ô tô và xe đạp, khoảng cách từ bến của loại phương tiện giao thông công cộng và cơ quan...

Đối với Nga, thực hiện “xây dựng xanh” là một vấn đề hết sức cấp thiết. Chủ đề này đã được đề cập rất nhiều trong các hội nghị, hội thảo. Mới đây, Hội nghị bàn tròn về “Xây dựng

xanh - triển vọng phát triển tại Nga” đã được tổ chức với sự tham gia của tổ chức phi thương mại “Cơ quan quốc gia về xây dựng nhà ở thấp tầng và biệt thự” do Nghị sĩ Duma quốc gia Nga - bà Elena Nikolaeva làm Chủ tịch.

Trong Hội nghị này, bà Elena đã chỉ rõ: Nhiệm vụ căn bản của phát triển xây dựng xanh (xây dựng sinh thái) tại Nga là giảm thiểu ảnh hưởng chung của việc xây dựng tới môi trường xung quanh cũng như tới sức khỏe con người. Mục đích trên đạt được nhờ sử dụng năng lượng, nước, và các nguồn tài nguyên khác một cách hiệu quả; giảm chất thải, khí thải ra môi trường và nhiều tác động khác. Mục tiêu căn bản của chính sách quốc gia về nhà ở trong giai đoạn tới năm 2020 là xây dựng không gian sống tiện nghi cho mọi công dân. Trong mối tương quan đó, phát triển xây dựng xanh, thiết lập vùng tiểu khí hậu lành mạnh trong các căn phòng, cũng như mối quan hệ tôn trọng, bảo vệ thiên nhiên xung quanh sẽ là những yếu tố tích cực thúc đẩy việc thực hiện chính sách này, đồng thời thể hiện sự quan tâm của thể hệ hôm nay đối với các thế hệ mai sau của đất nước.

Bà Elena nhấn mạnh sự cần thiết tiến hành các biện pháp kích thích xây dựng xanh từ phía nhà nước, trong đó có xây dựng các ngôi nhà sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Bà cũng đề xuất cần coi việc xác định hệ số nâng cao đối với mức giá bình quân trên thị trường của 01m² sàn ở tại các chủ thể Liên bang do Bộ Phát triển vùng Liên bang Nga quy định - trong trường hợp đưa vào sử dụng các tòa nhà đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm - là biện pháp kích thích việc xây dựng các ngôi nhà sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Khi xây nhà ở dạng bình dân theo bất kỳ chương trình quốc gia nào cũng cần coi việc chứng nhận sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả cho các ngôi nhà là một trong những điều kiện căn bản để ký kết hợp đồng với nhà nước.

Tại Hội nghị, ông Valeri Kazeikin, Phó Chủ

tịch Hội đồng giám định về chính sách nhà ở và công trình công cộng, thuộc Ủy ban Duma quốc gia Nga, nhà lãnh đạo tổ chức nghiên cứu “Phương pháp tính toán giá thành sở hữu một công trình xanh trong toàn bộ vòng đời của nó” đã nhắc tới làng “Thung lũng sinh thái” - nổi tiếng không chỉ ở Nga mà cả trên thế giới; và năm 2011 trở thành dự án duy nhất của Nga được trao tặng giải thưởng FIABCI Prix d'Excellence (giải thưởng danh giá ngang với giải Oscar trong lĩnh vực bất động sản). Ông cũng cho biết về việc thực hiện các dự án xây dựng sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả theo các chương trình của Quỹ nhà ở và công trình công cộng được tiến hành trên khắp 42 chủ thể Liên bang. Đã có 40 ngôi nhà được xây, 17 dự án đang trong giai đoạn thực hiện. Các ngôi nhà được xây ở cấp độ sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả A và B+, với việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhất; việc tài trợ cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng được thực hiện thông qua ngân sách vùng. Ông Valeri cũng nhấn mạnh sự cần thiết thay đổi việc điều tiết giá theo các chương trình quốc gia; bảo đảm lợi ích cho các chủ sở hữu nhà với việc tiết kiệm tối đa nguồn tài nguyên, thành lập các viện nghiên cứu cho thuê nhà phi thương mại.

Xây dựng xanh có vị trí không thể phủ nhận tại Nga. Điều này hoàn toàn hợp pháp, bởi vì xây dựng xanh đã trở thành một tiêu chuẩn của châu Âu. Hầu hết các chuyên gia và các nhà xây dựng đều nhất trí với quan điểm này, sau khi cuộc triển lãm xây dựng toàn cầu Ecobuild 2013 thành công tốt đẹp.

Một nhận định cơ bản có thể nêu ra qua các kết quả của Ecobuild 2013 - thị trường hạ tầng xanh sẽ phát triển. Việc ứng dụng các vật liệu xây dựng sinh thái gia tăng cũng là tâm điểm chú ý trong triển lãm. Mỗi năm, bê tông và gạch lại “xanh” hơn. Đại diện tập đoàn Lafarge Tarmac - tập đoàn hàng đầu của Anh chuyên cung cấp các vật liệu xây dựng sinh thái - đã trình bày về các xu hướng cơ bản trong phân

khúc vừa nêu: chế tạo bê tông độ bền cao hơn nhờ giảm dung tích năng lượng trong sản xuất xi măng. Thông điệp Lafarge Tarmac muốn gửi toàn thế giới thông qua slogan “thế giới không vật liệu xây dựng” là: Xã hội hiện đại không thể định hình nếu không có vật liệu xây dựng, song có thể (và cần thiết) tối thiểu hóa sự phát thải các-bon.

Sử dụng rơm rạ làm vật liệu cách nhiệt cũng là một giải pháp hữu hiệu. Các phương pháp từ thời xa xưa kết hợp với sử dụng công nghệ xây trát mới ngày càng được nhiều người ủng hộ. Trong xây dựng tư nhân, các nhà thiết kế thường nghiêng về việc sử dụng tối đa đá và các sinh khối (gạch) có nguồn gốc tự nhiên cao hơn trong xây dựng.

Các vật liệu xây dựng sinh thái là yếu tố không thể thiếu trong một “ngôi nhà thụ động”. Nhà thụ động khá phổ biến ở châu Âu, và khi được sử dụng đúng cách, các “kiến trúc thụ động” sẽ không đòi hỏi đầu tư lớn. Tại Anh, việc xây dựng các công trình xanh như vậy được tách ra thành một phân khúc riêng của thị trường.

Xây dựng xanh ngày càng trở nên phổ biến, song cũng có nhiều trở ngại trong việc mở rộng thị trường này, đặc biệt là về giá thành xây dựng xanh và nhu cầu đối với xây dựng xanh. Hiện tại, xây dựng xanh ở mức phát triển chưa cao.

Để có thể tăng cường mối quan tâm của khách hàng đối với lĩnh vực này, các chuyên gia khuyến cáo nên chính thức đưa khái niệm “hộ chiếu xanh” vào các bài giảng trong các cơ sở giáo dục của ngành Xây dựng. Hộ chiếu xanh là thông tin chi tiết cụ thể nhất về việc áp dụng các công nghệ sạch khi xây dựng bất cứ công trình nào. Người sử dụng cần biết mình sẽ hưởng lợi gì (hưởng lợi trực tiếp tức là lợi ích về kinh tế và gián tiếp - lợi ích về mặt sinh thái) từ việc sinh sống trong những ngôi nhà tiết kiệm năng lượng.

Xây dựng xanh, cũng như bất cứ một điều mới mẻ nào tuy còn gặp nhiều vướng mắc song đã khẳng định vị trí của mình không chỉ ở phương Tây mà còn ở Nga. Điều này hoàn toàn không ngẫu nhiên, bởi con người luôn muốn vươn tới cuộc sống tiện nghi, được hít thở bầu không khí trong lành, kéo dài tuổi thọ của mình. Chúng ta hãy tin tưởng rằng: trong tương lai không xa nữa, những ngôi nhà “xanh” sẽ xuất hiện nhiều hơn trên các đường phố Moskva và nhiều thành phố khác của Nga.

V.Klimov

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 28 (ngày 12/7/2013)

ND: Lê Minh

Tính hấp dẫn của nhà phố ở Moskva (Nga)

Tuy khối lượng xây dựng nhà ở tại Nga đang tăng trưởng rõ rệt, mức cung tăng ở tất cả các phân khúc nhà. Trong khi đó, tại các nước phát triển, đa phần người dân vẫn thích sống trong các ngôi nhà riêng hơn là trong những toà nhà chung cư hoặc cao ốc.

Phương châm của các nhà đầu tư là luôn xây dựng những gì khách hàng muốn mua; và họ không có lỗi khi nhu cầu cơ bản của khách hàng là sở hữu một căn hộ trong các tòa nhà cao tầng tường panel. Song nhu cầu và thị hiếu của con người luôn thay đổi. Sớm hay muộn,

khách hàng sẽ nghiêng về ý muốn có ngôi nhà riêng, trong đó có nhà phố. Do đó, nhiệm vụ đặt ra cho các nhà xây dựng hiện nay là làm thế nào để tối đa hóa lượng nhu cầu được đáp ứng, đồng thời tối đa hóa các thay đổi được đáp ứng trong nhu cầu của khách hàng.

Căn nguyên của vấn đề

Tại châu Âu, nhà phố xuất hiện cách đây ít nhất hai thế kỷ. Còn tại Moskva (Nga), mô hình này được xây dựng lần đầu tiên tại quận Setun - nơi dành cho người nước ngoài tới Nga làm việc, vào giữa thập kỷ 90 thế kỷ XX; giá thuê

nhà ở đây từ 3 - 7 nghìn USD/tháng. Tất nhiên, những cư dân châu Âu không quen sinh sống trong các "hộp" panel sẵn sàng trả khoản tiền không nhỏ đó để có thể có được những điều kiện sinh hoạt như tại đất nước mình.

Thành quả của Setun, cùng với các chuyến xuất ngoại của người Nga khiến nhà phố xuất hiện ngày càng nhiều trên khắp Liên bang, với nét đặc trưng của mình. Địa điểm cho dự án đầu tiên cũng là dự án mang tính thử nghiệm là khu vực cao cấp của thủ đô Moskva (đại lộ Rublevo - Uspenskoe và Novorizhskoe).

Như vậy tại Nga, nhà phố tuy chiếm một vị trí nhất định, song không phải là dạng nhà ở dành cho tầng lớp có mức thu nhập trung bình, mà là nhà ở thượng lưu. Giai đoạn tiếp theo của lịch sử phát triển là sự ra đời các khu phố thương nhân "Podushkino town", "Rozhdestveno" và "Mitino", với xấp xỉ 200 ngôi nhà mỗi khu. Hiện nay, tại Nga, các dự án nhà phố dành cho người mua thuộc các tầng lớp khác cũng đã xuất hiện.

Tại châu Âu, nhà phố thông thường không lớn - một phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ cho cặp vợ chồng ở tầng trệt, cộng thêm 02 phòng ngủ cho con cái trên tầng hai. Còn nhà phố tại Nga thường lớn hơn rất nhiều, có diện tích sử dụng tới 500 m², thậm chí hơn. Những người có thể tạo cho mình một diện tích ở như vậy, tất nhiên, là những người không thuộc tầng lớp trung lưu và bình dân. Còn nhà phố thông thường chỉ có diện tích 100 - 200 m² là tối đa.

Đối thủ cạnh tranh của nhà phố là làng biệt thự, bởi trong giới thượng lưu, nhu cầu về biệt thự tương đối lớn; trừ ngoại lệ duy nhất - khu Rublevka (trung tâm Moskva). Tại đó, giá đất rất cao, trong khi những công dân muốn sống gần chính quyền khá nhiều. Bởi vậy, nhà phố dường như là một phương án hợp lý hơn cả, nhu cầu đối với kiểu nhà này tương đối lớn.

Tuy nhiên, khi thông qua quyết định thực hiện dự án xây nhà phố, các nhà xây dựng cần cân nhắc thêm một điều: Người Nga với những

tập quán, thói quen của mình thường mong muốn những ngôi nhà có đất - và đó là những nhà nghỉ ngoại ô, chứ không phải thay cho một căn hộ trong thành phố. Để thay đổi cách tư duy này còn cần một thời gian dài nữa.

Cầu và cung

Cho tới nay, nhà phố được xây dựng - theo nguyên tắc - ở những vị trí không thể xây được công trình gì khác. Giá cả nhà phố tuy tăng cùng với giá các bất động sản khác, song tốc độ tăng chậm hơn. Mặt khác, mỗi năm, số công dân Nga đi nghỉ ở nước ngoài ngày càng tăng. Cho tới thời điểm này, địa điểm nghỉ dưỡng yêu thích của người Nga là các nước thuộc "thế giới thứ ba", và hành trang mà họ mang theo về từ các chuyến đi nghỉ ở nước ngoài không chỉ là các món đồ lưu niệm mà quan trọng là cảm tưởng và những hình dung khác về một cuộc sống "xứng đáng". Và điều này đương nhiên cũng được phản ánh trong các nhu cầu đối với bất động sản.

Hiện nay, trên các diễn đàn, người dân Nga không còn sôi nổi bàn về Moskva Mới - những khu vực mới được sáp nhập vào Moskva, mà các căn hộ trong những ngôi nhà mới mới là chủ đề của câu chuyện và trở thành nhu cầu chính. Sự quan tâm đối với các công trình ở mới ngày càng lớn hơn. Dường như khách hàng ngày càng muốn mua cái gì sẵn có, và phù hợp. Tuy vậy, trên thực tế, phần lớn người dân chưa biết tới việc thay thế nếp sinh hoạt trong những "chiếc hộp chung". Đó chính là nhiệm vụ của các nhà đầu tư trong thời gian tới đây - tung ra những sản phẩm nhà phố có thể tự quảng bá các ưu điểm của mình.

Các nhà xây dựng sẽ luôn xây dựng theo nhu cầu xã hội. Theo đó, xây nhà cao tầng có một lợi thế không thể phủ nhận - khả năng tận dụng tối đa công suất đất đai. Các tòa nhà chọc trời ở New York (Mỹ) và việc xây dựng đại trà các nhà 5 tầng thời Khrushov tại Liên Xô cũ là những ví dụ điển hình. Tại sao người Nga chỉ cần 5, còn người Mỹ cần 105 tầng? Bởi vì tại

các siêu đô thị của Mỹ, đất đai luôn là một vấn đề tài chính lớn. Còn tại Liên Xô, đất rất nhiều, không ai quản lý và được cho không.

Thời thế thay đổi, phong trào xây dựng cụm - điểm ra đời, khi mà mỗi bãi đất hoang biến thành những khu đất xây nhà cao tầng. Các tấm tường panel có những ưu điểm nhất định về mặt công nghệ: tốc độ xây nhanh, giá thành rẻ; từ đó tạo nên những bộ phận có sẵn của các "hộp" trong tương lai. Song nhu cầu đối với nhà ở giá rẻ là vô hạn. Và khách mua các căn hộ hoàn toàn không thuộc tầng lớp bản cùng trong xã hội. Do đó hiện nay, các ngôi nhà xây gạch liền khối mọc lên ngày càng nhiều.

Ưu điểm khi xây nhà phố đối với các nhà xây dựng

Xét hiệu quả về mặt tài chính, xây dựng nhà phố vẫn phải nhường bước cho xây dựng đại trà các nhà cao tầng. Song nếu so sánh với việc xây các làng biệt thự thì việc xây nhà phố lại có một loạt ưu điểm.

Trước hết, đó là khả năng tiết kiệm vật liệu xây dựng và kết nối kỹ thuật. Tiêu chuẩn chung của các nhà phố là tính liên kế - tức là tường phân chia không gian sống giữa nhà nọ với nhà kia có thể là tường chung; cũng như bố cục toàn bộ tổ hợp thường khá gọn. Vật liệu xây dựng được sử dụng có thể khác so với nhà nhiều tầng. Đương nhiên, xây nhà hai tầng có thể sử dụng loại vật liệu đòi hỏi tính năng không cao như xây nhà nhiều tầng.

Nhu cầu đất xây dựng không lớn là một ưu điểm khác của nhà phố so với biệt thự; vị trí lại có thể ở ngay trong thành phố, chứ không phải trong rừng hoặc ven sông. Quyền sở hữu đất được công nhận. Nếu không ai mua biệt thự trên những khu đất cho thuê, thì với nhà phố, vấn đề đơn giản hơn nhiều.

Hiện nay, có ít nhà đầu tư sau khi chuyển quyền sở hữu nhà là hết trách nhiệm. Theo nguyên tắc, cơ cấu còn tiếp tục với những công trình mới. Và trong vòng xoáy đó, nhà phố có thể là một điểm dừng vàng. Bởi vì dịch vụ tại

các làng biệt thự ở Nga đắt hơn rất nhiều so với các căn hộ, do vậy với nhà phố, các nhà đầu tư có thể lấy giá dịch vụ công thấp hơn. Bên cạnh đó, một phần chi phí có thể được chi trả cho chính các cư dân nhà phố trong một số việc sửa chữa như chống rò rỉ, làm lại mái...

Khác với các ô phố có các công trình mới trong thành phố, với nhà phố, chủ đầu tư sẽ có khả năng xây dựng hạ tầng cơ sở tư nhân tính phí - từ nhà trẻ tư, trường học tới các cửa hàng, tổ hợp thể thao - giải trí tư nhân. Thậm chí, nhà đầu tư có thể tìm kiếm cơ hội xây một thành phố tư nhân với quy mô nhỏ.

Về mặt pháp lý, các chủ đầu tư cũng có một loạt ưu thế khi xây các khu nhà phố. Để xây nhà cần có đất dưới danh nghĩa xây nhà tư nhân. Khi xây nhà thấp tầng, đương nhiên, vấn đề sẽ đơn giản hơn. Trong nhiều trường hợp, chỉ có một phương án duy nhất. Nhiều chủ đầu tư đã tận dụng đặc điểm pháp lý đó: nhà phố hiện nay thường được xây dựng tại những nơi không thể xây thêm gì nữa.

Cũng cần nhận thấy một điều: Xây nhà 2 tầng ít đòi hỏi sự đồng thuận hơn là xây cả một ô phố với nhiều nhà cao tầng.

Các yếu tố hạn chế

Khi xây một ngôi nhà cao tầng, việc bán các căn hộ trong đó được bắt đầu từ lúc đào móng. Đối với làng biệt thự, có thể thực hiện bán đất từ giai đoạn phân lô. Còn tại các khu nhà phố thì không như vậy - người mua đương nhiên không thể trả tiền cho cái mà họ chưa thấy. Theo nhiều chủ đầu tư, các hợp đồng đầu tiên chỉ bắt đầu được ký kết khi nhà đã "mọc lên trên mặt đất".

Trong vấn đề sở hữu nhà phố, khách hàng đặc biệt chú ý tới vị trí của cả khu. Chẳng hạn, ứn tắc giao thông của thủ đô, nhất là tại cửa ngõ của Moskva là một trở ngại thật sự đối với những ai muốn sống ở ngoại ô thành phố.

Nếu các quận đều xây dựng đại trà các nhà cao tầng, chính quyền sở tại đương nhiên có trách nhiệm bảo đảm giao thông công cộng.

Còn với các khu nhà thấp tầng (nhà phố), hiện nay, nhiều khi cư dân cần tự đảm bảo phương tiện giao thông cho mình. Đó là yếu tố hạn chế thứ hai của nhà phố.

Yếu tố thứ ba là: Tập quán của người dân Nga là có căn hộ trong thành phố, và có một ngôi nhà vùng ngoại ô (nhà nghỉ ngoại ô). Hiện tại, phần đông người Nga vẫn chưa thể chấp nhận phương án trung gian - nhà phố không phải là bổ sung thêm, mà là thay thế một căn hộ ở thành phố trong những tòa nhà cao tầng.

Hiện nay, nhu cầu về nhà phố trên thị trường chưa nhiều lắm, so với căn hộ hay biệt thự. Trong phạm vi khu vực cách Moskva 20 km đất đai rất đắt, còn nếu ra xa hơn thì nhà phố không còn là giải pháp thay thế về chỗ ở trong thành phố, và nhu cầu đối với phân khúc này đương nhiên sẽ bị hạn chế. Tuy nhiên, giờ đây, không ít nhà đầu tư đã nhận thức rõ triển vọng của thị trường, và hiểu rằng nhà phố không phải là phân khúc nhà cao cấp, mà sản phẩm trước hết dành cho các tầng lớp có thu nhập trung bình trong xã hội.

Hiện nay, các địa điểm triển vọng nhất để xây dựng nhà phố tại Moskva là khu vực dọc đại lộ Kashirskoe, Simferopolskoe và Iaroslavskoe. Nhiều chủ đầu tư giờ đây đã lồng ghép việc xây nhà phố vào các dự án đầu tư của mình.

Theo các nhà phân tích, các khu nhà phố

hiện tại chưa có sức cạnh tranh lớn trên thị trường, nhu cầu đối với loại hình nhà này còn tương đối hạn chế. Song có một giải pháp thông minh là dẫn đưa một bộ phận nhà phố vào đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bởi vì sở thích của khách hàng không phải là bất biến. Để làm được điều này, cần hội tụ đủ nhiều yếu tố liên quan. Trước hết là phát triển hạ tầng giao thông tại các đô thị lớn. Tiếp theo - không kém phần quan trọng - là công tác tuyên truyền, quảng cáo, tức là “nuôi” nhu cầu đối với loại sản phẩm này. Ngoài ra, cần phát triển công nghệ. Tại nhiều quốc gia trên thế giới, xây dựng nhà phố từ lâu đã thành một trào lưu. Có tới 20% nhà ở của công dân Mỹ được làm từ các kết cấu block có sẵn. Điều này có nghĩa là nhà làm sẵn luôn có giá thành thấp hơn, phù hợp với túi tiền của khách hàng hơn.

Tương lai không xa, khi phát triển phân khúc nhà phố, các nhà đầu tư sẽ cảm thấy mình hoàn toàn đúng, bởi họ đang tạo cho mình những lợi thế cạnh tranh thực sự, nếu sự lựa chọn của khách hàng thay đổi. Và họ có quyền tự hào rằng mình đang góp phần làm cuộc sống của mọi người tốt đẹp hơn.

A. Sukhoverkhov

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 27 (ngày 5/7/2013)

ND: Lê Minh

Thành phố Tân Thái, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc: Thúc đẩy xử lý tập trung nước thải tại các làng quê và thị trấn

Tân Thái là thành phố thuộc tỉnh Sơn Đông, dân số 13,92 triệu người, trong đó có 9,84 triệu dân số nông nghiệp, diện tích 1.946 km², trong đó diện tích đất canh tác là 1,06 triệu mẫu. Tân Thái có diện tích đất xây dựng là 65 km², tỷ lệ đô thị hóa đạt 53,6%, là một trong số 100 huyện mạnh trong toàn quốc, một trong 30

huyện mạnh trong toàn tỉnh, đã lần lượt được trao tặng các danh hiệu vinh dự như Thành phố xanh quốc gia, Thành phố du lịch ưu tú của Trung Quốc, Thành phố giáo dục tiên tiến toàn quốc, Thành phố thể dục tiên tiến toàn quốc...

I. Hiện trạng xử lý tập trung nước thải tại các làng quê và thị trấn thuộc thành phố

Tân Thái

Để cải thiện khu vực làng quê, thị trấn trực thuộc thành phố, đáp ứng yêu cầu trong tiêu chuẩn mới, thành phố Tân Thái đã tiến hành thúc đẩy toàn diện việc xây dựng cơ sở xử lý nước thải và đã thu được những thành quả mang tính giai đoạn. Tính đến nay, toàn thành phố đã hoàn thành 16 hạng mục xây dựng cơ sở xử lý nước thải, phân bố tại các thị trấn Địch, Tây Trương Trang, Vấn Nam, Lưu Đổ, Tiểu Hiệp, Phóng Thành và Lâu Đức, trong đó thị trấn Vấn Nam có 6 hạng mục, thị trấn Tiểu Hiệp có 4 hạng mục, thị trấn Lưu Đổ có 2 hạng mục, các thị trấn còn lại có 1 hạng mục. Khả năng xử lý nước thải theo ngày tại các làng quê và thị trấn trong toàn thành phố đạt khoảng 40 nghìn tấn, mạng lưới đường ống nước thải được lắp đặt với độ dài khoảng 50 km. Kế hoạch trong năm 2013 sẽ có 12 hạng mục xử lý nước thải mới xây, phân bố tại các thị trấn Địch, Tây Trương Trang, Long Đình, Cốc Lý, Cung Lý, Quả Đô, Tiểu Hiệp, Dương Lưu, Phóng Thành, Lâu Đức và thôn Nhạc Gia Trang, trong đó thị trấn Cung Lý có 2 hạng mục. Dự tính khả năng xử lý nước thải theo ngày tại các làng quê và thị trấn trong toàn thành phố tăng lên 360 nghìn tấn, mạng lưới đường ống mới được lắp đặt theo kế hoạch là 107 km. Trong các hạng mục mới này, Khu công nghiệp Lâu Đức sẽ xây dựng công trình nhà máy xử lý nước thải hoàn thiện với mạng lưới đường ống đồng bộ nhằm thích ứng với yêu cầu khách quan của sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn. Hạng mục này có tổng đầu tư 65,51 triệu NDT, trong đó đầu tư 55,38 triệu NDT cho công trình nhà máy xử lý nước thải và 10,13 triệu NDT cho mạng lưới đường ống nước thải. Hiện tại, hạng mục đã được thông qua các loại thủ tục, đã được Ủy ban Phát triển và Cải cách tỉnh Sơn Đông phê chuẩn. Hạng mục đã hoàn thành khảo sát địa chất và thiết kế sơ bộ.

Để cải thiện có hiệu quả chất lượng môi trường nước mặt tại các làng quê và thị trấn,

thành phố Tân Thái đã tổ chức Hội nghị chuyên đề Lập quy hoạch xây dựng nhà máy nước thải cho các làng quê và thị trấn trong toàn thành phố, tiến hành triển khai thống nhất tại 20 làng quê, thị trấn và các tuyến phố, yêu cầu các làng quê và thị trấn kết hợp tình hình thực tế và phân tích kỹ lưỡng quy hoạch phát triển để đưa ra ý kiến sơ bộ và kiến nghị hợp lý cho việc xây dựng nhà máy xử lý nước thải. Chính thức khởi động công tác biên soạn báo cáo nghiên cứu tính khả thi cho công trình nhà máy xử lý nước thải tại các làng quê, thị trấn, Cơ quan môi trường, đất đai và các làng quê, thị trấn đã bước đầu xác định địa điểm, quy mô, chất lượng nước, mạng lưới đường ống lắp đặt... cho các nhà máy xử lý nước thải; khi việc biên soạn báo cáo nghiên cứu hoàn thành sẽ tổ chức cho các chuyên gia tiến hành đánh giá, đồng thời tiếp tục xác định mô hình vận hành kinh doanh xây dựng nhằm tạo điều kiện cho việc xây dựng các nhà máy nước thải và tranh thủ sự hỗ trợ tài chính từ cấp trên.

Do chi phí xây dựng và vận hành nhà máy xử lý nước thải khá cao, nguồn tài chính của các làng quê và thị trấn không thể gánh vác, thành phố Tân Thái đã tích cực điều phối Chính quyền các làng quê, thị trấn và các doanh nghiệp có liên quan cũng như dựa vào các doanh nghiệp khai thác than tại khu vực. Để xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các làng quê và thị trấn trọng điểm, đẩy nhanh tiến trình xử lý ô nhiễm, đảm đương nhiệm vụ đi sâu xử lý nước thải sinh hoạt tại các doanh nghiệp và các làng quê, thị trấn, Chính quyền thị trấn và làng quê phụ trách lắp đặt mạng lưới đường ống và xử lý tổng hợp các con sông, các doanh nghiệp khai thác than phụ trách việc xây dựng và quản lý vận hành của các nhà máy xử lý nước thải.

Để đảm bảo cho công tác xây dựng cơ sở xử lý nước thải tại các làng quê, thị trấn được triển khai thuận lợi, thành phố Tân Thái đã cử nhân viên kỹ thuật chuyên ngành tiến hành chỉ đạo và phục vụ tại hiện trường tại những nơi triển

khai hạng mục. Trong điều kiện đảm bảo an toàn chất lượng, hoàn thành thuận lợi các nhiệm vụ mục tiêu xây dựng, tranh thủ sớm đưa vào sử dụng.

II. Vấn đề tồn tại

1. Chi phí lớn dành cho xây dựng

Đối với công trình xây dựng cơ sở xử lý nước thải, bao gồm việc thiết kế ban đầu, xây dựng công trình đường ống đồng bộ về sau cần một khoản tiền đầu tư rất lớn. Do tình hình tài chính của các thị trấn và làng quê khá yếu kém, kênh tài chính có hạn khiến gánh nặng về nguồn vốn cho việc xây dựng cơ sở xử lý nước thải khá lớn.

2. Áp lực lớn về chi phí vận hành

Một số thị trấn và làng quê cũng đã tính đến nhu cầu phát triển lâu dài của cơ sở xử lý nước thải, quy mô xây dựng lớn, tuy nhiên do mạng lưới đường ống không đồng bộ khiến sức tải vận hành thấp trong khi chi phí vận hành kinh doanh lại cao.

3. Lực lượng quản lý kỹ thuật mỏng

Hiện tại đội ngũ quản lý vận hành tại các nhà máy xử lý nước thải của các làng quê và thị trấn rất thiếu thốn, một bộ phận nhân viên quản lý có tố chất thấp, kỹ năng chuyên ngành yếu đã làm ảnh hưởng trực tiếp tới việc quản lý kỹ thuật và quản lý vận hành xử lý nước thải.

4. Công tác quản lý hiệu quả lâu dài cần được tăng cường

Hiện tại, áp lực quản lý giám sát của cơ quan quản lý giám sát nước thải khá lớn, chỉ dựa vào lực lượng quản lý giám sát hiện tại thì khó có hiệu quả cao, phát hiện việc vận hành không quy phạm cũng khó có thể xử phạt. Thêm vào đó các phương diện như chủ thể đầu tư, cơ chế vận hành... tại các nhà máy xử lý nước thải khác nhau đã khiến cho việc quản lý giám sát có hiệu quả cũng như sự phát triển lành mạnh của ngành xử lý nước thải gặp khó khăn. Điều cần làm hiện nay là trong khi tăng cường quy hoạch, kiện toàn thể chế, đổi mới cơ chế, hỗ trợ nguồn vốn... cần tìm ra các biện pháp tương ứng để phát huy đầy đủ hiệu quả sử

dụng của cơ sở xử lý nước thải.

III. Các biện pháp và kiến nghị cho việc xử lý nước thải tập trung tại các làng quê và thị trấn

Để đẩy nhanh tiến trình xây dựng vận hành cơ sở xử lý nước thải, cần đảm bảo đưa vào xây dựng, vận hành đúng tiến độ, tăng cường công tác quản lý, giám sát hiệu quả lâu dài, cải thiện hơn nữa chất lượng môi trường thành phố Tân Thái, nâng cao tỷ lệ đô thị hóa.

1. Mở rộng kênh tài chính, xây dựng cơ chế đầu tư tài chính đa dạng, xã hội hóa cho xử lý nước thải

Kiên trì nguyên tắc “Chính phủ chỉ đạo, chính sách hỗ trợ, đầu tư đa dạng”, xây dựng thể chế đầu tư xử lý nước thải xã hội hóa, đa dạng hóa, thị trường hóa thích ứng với nền kinh tế thị trường, thu hút đầu tư xã hội, phát huy đầy đủ tác dụng nguồn vốn xã hội, đẩy mạnh đầu tư để nước thải sinh hoạt tại đô thị và nông thôn trong toàn thành phố được xử lý toàn diện. Khuyến khích và hỗ trợ cho sự phát triển của ngành công nghiệp xử lý nước thải, căn cứ các nguyên tắc “người đầu tư hưởng lợi”, “người xả thải trả phí”, “ai làm ô nhiễm, người đó xử lý”, xây dựng hệ thống hỗ trợ chính sách, hình thành cơ chế thúc đẩy kinh tế, đề ra các chính sách thu phí, thu thuế, tài chính, tín dụng tài chính, đầu tư tài chính...

2. Mở rộng hệ thống xử lý nước thải. Kiên trì nguyên tắc xử lý phân tán, phân cấp theo tình hình của địa phương trong xây dựng các công trình xử lý nước thải

Đẩy nhanh xây dựng mạng lưới đường ống đồng bộ cho xử lý nước thải, nâng cao tỷ suất vận hành, quy phạm chủ thể vận hành kinh doanh, đẩy nhanh đầu tư cho vận hành kinh doanh chính thức nhằm giúp nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt được thông qua mạng lưới đường ống nước thải thống nhất đi vào nhà máy để tiến hành xử lý tập trung. Việc xây dựng mạng lưới đường ống cần được xem xét tổng thể và thực thi đồng bộ cùng với các

công trình đường sá đô thị, các tiểu khu xây dựng... Đẩy nhanh hoàn thiện mạng lưới thu gom nước thải, đảm bảo việc xây dựng mạng lưới đường ống nước thải đồng bộ với sự phát triển của các làng quê và thị trấn giúp nâng cao tỷ lệ thu gom nước thải. Cần từng bước thực hiện tách riêng nước thải và nước mưa, làm giảm hiệu quả áp lực xử lý nước thải, giảm ô nhiễm nguồn nước, nâng cao tỷ lệ tận dụng tổng hợp tài nguyên nước.

3. Tăng cường phối hợp hài hòa, thực hiện hoàn thiện cơ chế hiệu quả lâu dài về xây dựng, vận hành, quản lý, giám sát

Đối với việc xây dựng và quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải tại các làng quê và thị trấn, các cơ quan có liên quan cần thể hiện chức trách của mình, thông qua mối liên hệ mật thiết, tăng cường tiếp xúc và trao đổi, tìm ra các biện pháp nhằm khắc phục vấn đề còn tồn tại về các phương diện như nguồn vốn xây dựng, thu hồi đất..., đẩy nhanh tiến độ xây dựng, tăng cường quản lý hạ tầng, đảm bảo hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ đúng thời hạn. Các cơ quan chủ quản có liên quan cần coi trọng cao độ, đẩy mạnh quản lý giám sát các nhà máy xử lý nước thải đã xây dựng, cần kiểm tra đôn đốc chất

lượng xử lý nước thải của các nhà máy tại các làng quê và thị trấn, căn cứ theo các tiêu chuẩn có liên quan để kiểm soát nghiêm ngặt lượng nước xả thải để mọi công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý vận hành xử lý nước thải tại các làng quê và thị trấn được thực hiện một cách có hiệu quả.

III. Kết luận

Hiện nay, việc xử lý tập trung nước thải tại các làng quê và thị trấn trở nên hết sức quan trọng. Thành phố Tân Thái cần căn cứ theo tình hình địa phương để tìm kiếm các phương pháp và biện pháp đa dạng trong việc xử lý tập trung nước thải, mở rộng hệ thống xử lý nước thải, kết hợp với điều kiện phát triển tự thân của khu vực, kết hợp những ưu thế về tài nguyên, sự hợp tác của chính quyền và các doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh công tác xử lý tập trung nước thải tại các thị trấn và thành phố nhỏ, giúp Tân Thái xây dựng một thành phố sinh thái hài hòa.

**Trương Siêu, Triệu Tố Lệ,
Trương Viên Viên**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 6/2013
ND: Kim Nhạn*

Nước Kazakhstan mới xây dựng theo các tiêu chí chất lượng của thế giới

Thế giới có các bảng xếp hạng được cộng đồng quốc tế công nhận và trên cơ sở của bảng xếp hạng các quốc gia có thể đánh giá sự phát triển của mình. Một trong số đó là Diễn đàn kinh tế thế giới giúp đánh giá khả năng cạnh tranh của các quốc gia. Cách đây một vài năm, Tổng thống Kazakhstan N. A. Nazarbayev đã nêu ra nhiệm vụ chung của đất nước là đứng vào danh sách 50 quốc gia nêu trên. Bằng sự hiện đại hóa hệ thống giáo dục và đào tạo chuyên gia, nước Cộng hòa Kazakhstan đã được xếp thứ 51 trong bảng xếp hạng.

Ngày nay, Kazakhstan là một quốc gia có mức thu nhập của dân cư đạt mức trung bình, với nền kinh tế tăng trưởng ổn định và theo định hướng xã hội; điều này được khẳng định bởi mức tăng dân số tự nhiên ổn định. Năm 2013, số dân của Kazakhstan là 13 triệu người. Nhiệm vụ ưu tiên trọng tâm của đất nước là xây dựng xã hội phồn vinh dựa trên nền tảng của một quốc gia mạnh, có nền kinh tế phát triển và tạo khả năng lao động cho tất cả mọi người. Đây cũng chính là mục tiêu mà Tổng thống N. A. Nazarbayev đã nêu ra trong chiến lược phát

triển Kazakhstan theo hướng đổi mới công nghiệp nhằm đạt được sự phát triển bền vững của đất nước thông qua việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, từng bước chuyển từ nền kinh tế theo định hướng nguyên vật liệu sang nền kinh tế theo định hướng công nghệ. Điều đó đồng nghĩa với việc Kazakhstan sẽ cần phải xây dựng mới rất nhiều.

Cuối năm 2012 cộng đồng khoa học - kỹ thuật Kazakhstan đã kỷ niệm 50 năm ngày ra trường của người kỹ sư xây dựng đầu tiên. Ngày nay, ở Kazakhstan các kỹ sư xây dựng, kiến trúc sư, nhà thiết kế được đào tạo tại một số trường đại học chuyên ngành trong số đó phải kể đến Trường đại học kỹ thuật tổng hợp quốc gia mang tên K. I. Katpayev, Học viện Kiến trúc - xây dựng đầu ngành Kazakhstan (KazGASA), Học viện Giao thông và công trình công cộng mang tên M. Tunushpayev. Là thành viên của Học viện kỹ thuật quốc gia nước Cộng hòa Kazakhstan (NYA PK), các trường đại học nêu trên tích cực tham gia công tác phối hợp nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cho tương lai. Sự hợp tác chặt chẽ giữa các trường đại học thuộc Học viện kỹ thuật quốc gia nước Cộng hòa Kazakhstan ngày càng đóng vai trò quan trọng trong cải tổ hệ thống đào tạo các chuyên ngành kỹ thuật công trình và kỹ thuật hiện đại. Sau khi tốt nghiệp các trường đó, sinh viên tốt nghiệp sẽ được nhận bằng đại học hoặc giấy chứng chỉ theo chuẩn quốc tế. Với mục đích nâng cao trình độ đào tạo chuyên gia, các tổ chức là thành viên tập thể của Học viện kỹ thuật quốc gia nước Cộng hòa Kazakhstan mời các kỹ sư tương lai tham dự các khóa thực hành được tổ chức tại các xưởng thiết kế, kiến trúc, các phòng thí nghiệm khoa học và tại các phân xưởng của các xí nghiệp sản xuất VLXD.

Ngày nay, Kazakhstan đã hoàn toàn bảo đảm được nhu cầu đào tạo cán bộ, chuyên gia của ngành xây dựng. Với trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, sự tham gia của họ góp phần xây dựng nên nhiều công trình lớn tầm chiến

lược trong công nghiệp, hạ tầng giao thông và môi trường sống. Đó là các tuyến đường ô tô, đường sắt, đường ống dẫn, các trung tâm Logistic, các đầu mối trung chuyển, sân bay, nhà ga, bến cảng. Trong những năm qua, 48.000 km đường sử dụng chung và 1.100 km đường sắt đã được xây dựng mới và cải tạo. Hiện nay, con đường tơ lụa mới đang được khôi phục đó là hành lang giao thông ô tô lớn nối liền Tây Âu với khu vực phía Tây Trung Quốc.

Cuối năm 2012, tuyến đường sắt thứ hai của Kazakhstan dài 300 km nối với Trung Quốc đã được đưa vào sử dụng, nối Zhetugen với Korgas. Cũng vào mùa hè năm đó, tuyến đường dài 146 km nối thành phố Bolashak (Kazakhstan) với thành phố Syerkhetyak (Turkmenya) đã được đưa vào sử dụng. Tuyến đường đó là một phần của hành lang giao thông đường sắt xuyên quốc gia tương lai mà sẽ đi ngang qua sa mạc liền kề với vùng Kaspiya kết nối Kazakhstan với Turkmeniya, Iran bảo đảm việc vận chuyển hàng hóa từ lục địa đi bằng đường biển đến khu vực Vịnh Pecxich ở phía Nam và Châu Âu ở phía Bắc. Hành lang giao thông mới này sẽ góp phần nâng cao đáng kể năng lực trung chuyển hàng hóa của Kazakhstan mở ra con đường vận chuyển hàng hóa trong nước đến các thị trường tiêu thụ mới.

Một trong những ưu tiên trong chiến lược phát triển đất nước và là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất mang tính quốc gia là xây dựng nhà ở. Chính phủ Kazakhstan đã ban hành nhiều văn bản pháp quy quan trọng, trong đó có Chương trình quốc gia phát triển nhà ở giai đoạn năm 2005 - 2014. Năm 2012 đã đưa vào sử dụng 6.742 triệu m² nhà ở và tiến độ này sẽ không giảm. Chính phủ Kazakhstan đã phê duyệt Chương trình “Nhà ở phù hợp khả năng kinh tế cho giai đoạn đến năm 2020” và trong khuôn khổ Chương trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng 1.532 km đường dây tải điện, 78 km đường ống hệ thống cấp nhiệt trung tâm, 686 km đường ống cấp nước, 255 km đường

thoát nước, 424 km đường ống cấp khí đốt, 17 km đường dây điện thoại và 150 km đường dẫn. Tính đến năm 2012, Chương trình “Bản đồ giao thông đến năm 2009” đã có gần 860 dự án cải tạo công trình nhà ở và công trình công cộng được hoàn thành, hàng trăm công trình nhà ở - dân dụng được xây dựng. Trong 5 năm tới dự tính sẽ có gần 160 dự án với tổng vốn đầu tư 6,5 tỷ Tenge được thực hiện.

Công tác xây dựng nhà ở được triển khai mạnh chủ yếu tại 2 thành phố lớn nhất đất nước là Alma Ata và thủ đô Astana. Từ năm 2005 đến nay, bằng các chương trình của Nhà nước, chỉ riêng tại mỗi một trong 2 thành phố nêu trên đã hoàn thành đưa vào sử dụng gần 530.000 m² nhà ở. Ngoài ra, tại thành phố Astana mỗi năm có hàng chục tổ hợp văn phòng, nhà công cộng, công trình văn hóa được xây dựng; nhiều công trình trong số đó do các kiến trúc sư nổi tiếng trên thế giới thiết kế và những công trình đó là rất độc đáo. Trên thực tế, chỉ sau khoảng trên 10 năm tại vùng thảo nguyên Kazakhstan đã mọc lên một thành phố hiện đại mới, tạo ra sự ngạc nhiên đáng mừng đối với các vị khách và là niềm tự hào chính đáng của người dân Kazakhstan. Tiềm lực của thủ đô Kazakhstan là lý do mà cộng đồng quốc tế đã chọn Astana làm nơi tổ chức Triển lãm quốc tế “EXPO-2017”. Các thành phố đã từng được lựa chọn tổ chức triển lãm quốc tế nêu trên đều đã trở thành nơi giới thiệu về kiến trúc, các giải pháp thiết kế mới và nghệ thuật xây dựng. Hy vọng Astana sẽ không phải là ngoại lệ và sẽ tiếp nối truyền thống đó một cách xứng đáng. Hơn nữa, đối với các nhà kiến trúc và xây dựng Kazakhstan “EXPO-2017” sẽ là xung lực mới cho sự sáng tạo và sẽ được thể hiện trong bộ mặt của đô thị và nông thôn.

Chương trình quốc gia phát triển đổi mới công nghiệp đã được phê duyệt dành sự quan tâm thích đáng cho sự tăng trưởng của công nghiệp xây dựng và sản xuất VLXD, kết cấu trong nước trong đó nhiệm vụ chính là đáp ứng

nhu cầu của thị trường trong nước. Hiện nay, 1.200 doanh nghiệp ngành xây dựng đang sản xuất từ 20% đến 50% khối lượng VLXD và sản phẩm cần thiết cho hoạt động xây dựng.

Ngành Xây dựng với trên 6.700 tổ chức và doanh nghiệp giữ vai trò là ngành công nghiệp công nghệ cao, nơi ứng dụng các công nghệ và vật liệu mới mà nhu cầu về các công nghệ và vật liệu mới đó đang tăng lên từng ngày cùng với sự tăng vốn đầu tư và khối lượng công tác xây lắp.

Hiện nay ở Kazakhstan, ngành Xây dựng cũng là nơi đoàn kết lực lượng kỹ thuật vững vàng của đất nước; đó là các nhà xây dựng, thiết kế, nhà khoa học, kiến trúc sư, công trình sư, nhà sản xuất VLXD và kết cấu. Phần lớn trong số họ là thành viên hoặc thành viên tập thể của Học viện kỹ thuật quốc gia Kazakhstan. Phân viện Kiến trúc, Xây dựng và VLXD của Học viện là trung tâm điều phối tiềm lực kỹ thuật xây dựng của đất nước. Các hướng hoạt động cơ bản của Phân viện là thực hiện chính sách đổi mới công nghiệp và khoa học - kỹ thuật của quốc gia trong lĩnh vực xây dựng và kiến trúc, nghiên cứu và triển khai trên quy mô công nghiệp các công nghệ tiết kiệm năng lượng, nghiên cứu sản xuất các loại VLXD và vật liệu hoàn thiện mới từ các loại nguyên liệu dễ tiếp cận có tại địa phương và từ chất thải công nghiệp, nghiên cứu các hệ thống kết cấu và giải pháp kiến trúc - quy hoạch có tính đến các đặc điểm của khu vực, nghiên cứu sự bền vững động đất của các công trình có chiều cao lớn, xây dựng cơ sở pháp lý cho hệ thống quản lý nhà nước về kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng và các văn bản hướng dẫn về phương pháp và các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các loại vật liệu và kết cấu xây dựng mới.

Trải qua nhiều thập niên, ngành Xây dựng Kazakhstan vẫn sử dụng hệ thống tiêu chuẩn và quy phạm xây dựng SNIIP để thực hiện các công tác thiết kế và xây dựng công trình. Các tiêu chuẩn và quy phạm đó đã được nghiên cứu

kỹ trước khi ban hành và là hệ thống thống nhất áp dụng trên toàn bộ lãnh thổ Liên Xô và cũng đã thực hiện thành công các nhiệm vụ về tiêu chuẩn hóa đối với toàn bộ ngành Xây dựng của một quốc gia rộng lớn. Trải qua trên 20 năm kể từ khi nước Kazakhstan trở thành quốc gia độc lập trên tất cả các lĩnh vực nhà nước hoạt động theo các luật riêng của Kazakhstan, tuy nhiên đối với ngành Xây dựng, các tiêu chuẩn và quy phạm SNiP vẫn không thay đổi.

Trong quá trình cải cách đang được tiến hành đối với hệ thống quản lý kỹ thuật ngành xây dựng Kazakhstan dự định từ năm 2015 sẽ chuyển sang thiết kế nhà và công trình theo hệ thống Tiêu chuẩn châu Âu (Eurocode). Sự kết hợp hài hòa giữa các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng trong nước với các Tiêu chuẩn châu Âu sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư vào nền kinh tế đất nước, xóa bỏ các rào cản công nghệ và các rào cản khác đối với các doanh nghiệp trong nước khi đi ra thị trường châu Âu.

Cải cách tác động đến tất cả các chủ thể như nhà đầu tư, người đặt hàng, nhà thầu, nhà thiết kế, nhà sản xuất VLXD, người sử dụng, chuyên gia. Đương nhiên, các cơ sở đào tạo ngành xây dựng, giáo viên, sinh viên, tác giả các sách giáo khoa về phương pháp cũng không phải là ngoại lệ. Việc biên soạn tiêu chuẩn, xây dựng hệ thống nhà nước quản lý về kỹ thuật trong kiến trúc, phát triển đô thị và xây dựng được thực hiện bởi các trường đào tạo chuyên ngành hàng đầu của đất nước, các viện nghiên cứu và thiết kế lớn, các nhà khoa học có uy tín mà hoạt động của họ được sự phối hợp của Phân viện Kiến trúc, xây dựng và VLXD trực thuộc Học viện. Phân viện đã thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành về cải cách hệ thống quản lý kỹ thuật và định giá trong ngành Xây dựng. Tham gia Hội đồng có các chuyên gia hàng đầu làm việc tại các cơ quan nổi tiếng của Kazakhstan như Công ty “Viện Nghiên cứu và thiết kế về xây dựng và kiến trúc Kazakhstan”

(KazNISSA), Học viện Thiết kế “Kazgor”, Công ty “Almatugiprogor”, Hiệp hội “Công nghệ công nghiệp xây dựng”, KazGASA.

Cuộc cải cách đang được tiến hành tại Kazakhstan nhận được sự đánh giá cao của nhiều chuyên gia trong đó có những người từ Đức, Nhật Bản, Nga, Belorussia, Ucraina. Các chuyên gia Nga tham gia các dự án soạn thảo tiêu chuẩn ở Kazakhstan cho rằng các tiêu chuẩn đó có thể sử dụng là tài liệu ban đầu và làm cơ sở cho việc soạn thảo các tiêu chuẩn liên quốc gia của các quốc gia thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập SNG về lĩnh vực xây dựng.

Theo ý kiến các chuyên gia, Kazakhstan chưa nên dừng ngay việc tận dụng những lợi ích từ hệ thống tiêu chuẩn quốc gia SniP, do các Tiêu chuẩn châu Âu Eurocode còn chưa đề cập đầy đủ hệ thống các tiêu chuẩn điều tiết an toàn của nhà và công trình. Thêm vào đó việc áp dụng hệ thống Tiêu chuẩn châu Âu sẽ làm thay đổi cách tiếp cận đối với việc bảo đảm sự tin cậy của kết cấu và ấn định việc thiết kế công trình với mức độ tin cậy được quy định trước. Điều đó làm thay đổi căn bản cách thiết kế và cho phép hỗ trợ cách tiếp cận thống nhất đối với việc bảo đảm độ tin cậy của công trình xây dựng không khác so với cách tiếp cận đã được chấp thuận tại các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu EU.

Có thể nêu ra nhiều lợi ích của việc áp dụng Tiêu chuẩn châu Âu như các tiêu chuẩn này khuyến nghị giá trị thời hạn phục vụ của công trình là không dưới 75 năm. Hệ thống Tiêu chuẩn châu Âu không làm thay đổi cách thiết kế quen thuộc của các nhà thiết kế Nga, việc thực hiện các tính toán tĩnh học và quy tắc sức bền vật liệu. Hệ thống đó sử dụng các thành tựu thực tế và khoa học hoàn thiện và tiên tiến nhất, tạo ra cơ hội cho những thay đổi về chất lượng trong xây dựng; Hệ thống dựa trên các quy tắc cho phép thiết kế kết cấu và nhà trên mức hiện đại.

Việc đưa vào áp dụng cũng như sự thích

nghi với các Tiêu chuẩn châu Âu trong môi trường các kỹ sư thực hành là một vấn đề khá khó khăn, đòi hỏi sự vượt qua truyền thống thiết kế công trình hiện có. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia châu Âu đã chuyển sang áp dụng hệ thống tiêu chuẩn này, đã và đang nói lên điều đó. Như vậy cần có một giai đoạn chuyển tiếp nhất định để các Tiêu chuẩn châu Âu và các tiêu chuẩn quốc gia được áp dụng song song. Thêm vào đó, việc áp dụng Tiêu chuẩn châu Âu vào thực tiễn thiết kế và xây dựng sẽ chỉ có thể diễn ra khi mà nền công nghiệp có khả năng sản xuất được các sản phẩm phù hợp với các Tiêu chuẩn châu Âu, việc áp dụng kiểm tra chất lượng sẽ chỉ có thể thực hiện được khi mà các phòng thí nghiệm của nhà máy được trang bị các thiết bị thí nghiệm và đo lường tương ứng. Do vậy, các xí nghiệp của ngành công nghiệp xây dựng cần phải được hiện đại hoá.

Nhiệm vụ và vấn đề còn nhiều đòi hỏi các

khoản chi phí vật chất to lớn của nhà nước cũng như các nỗ lực về mặt tổ chức, tuy nhiên các chi phí sẽ được đền bù bằng chất lượng cao của công tác xây dựng và của các loại VLXD được sản xuất ra, sự nâng cao độ tin cậy của công trình xây dựng và thu hút dòng vốn đầu tư. Và kết quả cuối cùng là sự nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đây cũng là nhiệm vụ có quy mô lớn đối với đội ngũ kỹ sư của đất nước trước hết là đối với Học viện kỹ thuật quốc gia của nước Cộng hoà Kazakhstan - tổ chức tập hợp những lực lượng kỹ thuật xây dựng chất lượng cao đang góp phần đưa các kế hoạch quan trọng vào cuộc sống.

B. T. Zhumagulov

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Nga, số 7/2013

ND: Huỳnh Phước

HỘI THẢO: VÙNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI - HIỆN TRẠNG VÀ TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2013



ThS.KTS Ngô Trung Hải - Viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia phát biểu khai mạc Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo